

TRẦN THANH GIAO

MỘT VÙNG SÔNG NƯỚC



Một Vùng Sông Nước

Trần Thanh Giao

Epub: @lamtam, tve-4u.org (02/2019)

01. Một miền quê sông nước

Về làng quê, tôi có nhiều bạn mới, trong số đó, Ba-sát-cá là người tôi thân nhất. Cậu ta tên Ba nhưng vì có tài bắt cá rất giỏi nên người lớn và trẻ con đều gọi tên như vậy. Ba-sát-cá bày vẽ cho tôi rất nhiều kiểu bắt tôm cá, và những buổi câu lươn, bắt nhái... đã trở thành những buổi đi chơi đầy hấp dẫn đối với chúng tôi. Nhưng trước hết, xin các bạn hãy làm quen với phong cảnh, với những sinh hoạt và trò chơi trẻ

con của miền quê sông nước ấy. Bởi vì càng biết rõ cảnh vật và sinh hoạt một vùng, ta càng hiểu rõ hơn con người nơi đó. Các trò vui sẽ

trở nên hấp dẫn và có ý vị hơn.

Làng quê tôi nằm bên bờ sông Hậu, một trong hai nhánh của sông Mêcông chảy qua đồng bằng Nam Bộ. Nhưng mãi đến khoảng mười tuổi, tôi mới biết sông nước quê mình, bởi vì tuổi ấu thơ của tôi trôi qua giữa phố

phường Sài Gòn đông đúc. Những năm ấy, phát xít Nhật chiếm Đông Dương, rồi bom Mỹ ném xuống chợ Bến Thành, tôi theo gia đình tản cư về quê.

Cả bức tranh vùng quê sông nước hiện lên đột ngột, hấp dẫn và kỳ thú vô cùng đối với một cậu bé thành thị mười tuổi như tôi.

Từ huyện lỵ, tôi ngồi xuồng về làng. Như bao nhiêu làng khác ở vùng này, làng tôi nằm dọc theo một con rạch, hai bờ soi bóng vườn tược, cây trái xanh um. Đường làng chạy cặp bờ. Thỉnh thoảng những con rạch, con mương cắt ngang. Đường cứ được nối bằng những cây cầu, khi là một tấm ván, khi là một thân cây dừa bắc ngang, có khi là cả một chiếc cầu gỗ ba nhịp, nhưng nhịp giữa cao vượt lên để những chiếc ghe mui lớn có thể qua lại dễ dàng. Má tôi nói có thể đi suốt ngày này qua ngày khác, từ huyện nọ sang tỉnh kia, đi khắp lục tỉnh lên tới Sài Gòn bằng chính những sông rạch chằng chịt ấy của đồng bằng Nam Bộ. Quê tôi phân biệt hai từ: sông là những dòng nước lớn chảy ra tận biển, còn rạch, có khi rộng đến một vài trăm mét, nhưng chỉ đổ ra sông.

Làng tôi là một làng lâu đời và trù phú. Ngồi dưới xuồng nhìn lên, tôi thấy nhiều nhà ngói, nhà đúc giống như các “biệt thự” ở Sài Gòn. Nhà nào cũng quay mặt ra rạch, có bến nước. Bến đơn sơ nhất là một đôi

thân dừa lão thả nằm từ bờ chúi xuống sông, trên thân cây đóng những thanh gỗ ngang, hoặc khắc những nấc nhỏ để bước chân khỏi trượt.

Thường bến nước là một nhịp cầu ván nổi từ bờ ra sông, cuối nhịp cầu có chiếc thang rộng cắm xuống nước. Những nhà giàu còn cất hẳn một cái thảo bạc (nhà mát ngồi hóng gió) có mái che, có chần song bao quanh, có ghé băng ngồi hóng mát. Quanh bến, buộc những chiếc xuồng, những chiếc tam bản, rập rờn theo những làn sóng dợn của xuồng ghe lại qua.

Nhà giàu thì có ghe mui ống, ghe hầu buộc bên thảo bạc hay để trong con mương có mái che mưa nắng, như xe du lịch để trong gara vậy.

Trong trí óc trẻ thơ của tôi, có một sự so sánh. Nếu ở Sài Gòn, khi ra đường, tôi bắt gặp xe đạp, xe kéo, xích lô, cam nhông... thì ở quê tôi, ra khỏi nhà là gặp sông nước, xuồng ghe... Những ngày ở làng, thỉnh thoảng tôi thấy những chiếc ghe chài chở lúa, từng đoàn nối đuôi nhau, diều qua đoạn rạch trước bến. Ghe chài có chiếc lớn gấp mười lần xe cam nhông, mũi sơn đỏ chói, hai mắt lồi ra trên nền sơn đỏ, tròn trắng và con người đen, to như cái khu tô (trôn bát). Hễ có đoàn ghe chài đi qua là trẻ con chúng tôi kéo nhau ùa ra bến đứng xem các anh chàng “ghe chài” khổng lồ oai vệ dữ dằn ấy, một cách háo hức và kính phục.

Những năm ấy, quê tôi cũng đã có tàu đò chạy máy, chở khách từ huyện lên tỉnh. Mỗi khi nghe tiếng máy tàu từ xa, bọn trẻ chúng tôi bỏ cả

nhảy dây, cút bắt, chạy ào ra bến. Những đứa nhanh nhẹn phốc xuống xuồng, mở dây, rút giầm (một thứ bơi chèo cầm tay) đưa xuồng ra đón sóng. Những đứa chậm chân hay nhút nhát thì cứ để xuồng tại bến đứng chờ. Đò máy chạy qua, chúng tôi vừa reo hò

đưa tay vẫy khách vừa cho xuống nhún nhảy, đề lên những đợt sóng cuộn phía sau tàu. Thật là thú vị. Gan ruột cứ nôn nao cả lên.

Trên sông rạch, cũng có những chiếc ghe “trà vãi”. Đó là những cửa hiệu tạp hóa lưu động. Mui ghe bằng gỗ. Ông chủ chèo phía sau. Cô gái nhỏ chèo trước. Thỉnh thoảng ông chủ cất tiếng rao đĩnh đạc và kéo dài

: “Trà... à... vãi... i... i...”. Trong khi đó, bà chủ lúi húi ở phía sau làm cá, nấu cơm. Cá, gạo bà có thể mua ngay trên mặt nước do các thuyền câu, thuyền chài áp mạn xuống mà bán, hay các chị “hàng xáo” (người mua

thóc về xay giã bán lấy lời) bơi xuống đến bán cho. Nhà tôi ở gần vàm (cửa rạch, cửa sông) có chợ nên ít khi mua hàng của ghe “trà vãi”. Tuy nhiên, bà con ở phía sâu trong rạch hay ở trong những con rạch nhỏ có cầu ván bắc cao thì cửa hàng bách hóa lưu động này thật tiện lợi, một kiểu “bán hàng tận nhà”, hợp với vùng sông nước. Thỉnh thoảng nhà hết dầu thắp đèn, má tôi sai tôi xách chai xuống bến gọi ghe “trà vãi”.

Trong ghe có đủ thứ: kim, chỉ, quần áo, trà lá, bánh kẹo, dầu lửa, tương chao, đồ chơi con nít... đủ màu xanh, đỏ, tím, vàng... rất hấp dẫn.

Cô gái nhỏ mỉm cười nhận tiền và nhận chai. Cô đóng dầu thật khéo, không rơi ra giọt nào. Còn thừa mấy xu, cô đưa túi kẹo và lại mỉm cười hỏi: “Ăn kẹo hôn?”. Tôi ngập ngừng một chút, rồi liền gật đầu. Thiệt là một cách bán hàng tiện lợi! Tôi nói với má tôi: “Má à, mai một mình cứ mua dầu ở ghe trà vãi. Má khỏi phải mang chai đi chợ. Má xách chai dầu toòng teng cũng mỏi mà lỗ rớt bể. Bỏ vô rổ, dầu trào ra dính với thịt cá...” Má tôi nói: “Nhưng mà giá mắc hơn ở chợ”.

Trên sông rạch trước nhà tôi, dường như có đủ thứ cần cho cuộc sống.

Thỉnh thoảng một chiếc ghe bán đồ góm lại chèo ngang qua, má tôi có thể mua từ chiếc nồi đất để nấu cơm, cái tay cầm để kho cá, đến cái thạp làm mắm và cái lu to ba vòng tay ôm của tôi, cao tới đầu tôi, để

chứa nước mưa. Thỉnh thoảng một chiếc ghe bán đồ mộc lại chèo ngang qua, có những bộ xa lông, những bộ bàn ăn, tủ thờ đẹp không kém bàn ghế ở Sài Gòn. Còn đối với tôi, thích nhất vẫn là các xuồng bán quà bánh. Bánh bèo trắng nõn, nhân tôm màu hồng với đậu xanh giã mịn, rưới nước mắm tỏi ớt ngon ngọt, chua chua. Đặc biệt là chiếc gáo múc nước mắm làm bằng vỏ trái mu, tròn trịa, xinh xắn như quả bóng bàn. Bánh lọt màu trắng và màu xanh lá dứa, đẹp như những chiếc bông cẩm thạch mà các cô gái nhỏ Sài Gòn lúc ấy hay đeo, bánh lọt chan nước đường vàng và trong hồ phách thêm chút nước cốt dừa béo ngậy, vừa ngọt vừa mát, mới húp đến môi đã trôi xuống cổ. Những thứ quà bánh làng quê chẳng khác mấy quà bánh ở Sài Gòn mà tôi vẫn được mẹ cho ăn. Có cái khác hẳn là quà này được ăn bên bờ sông, có khi ngay trên mặt nước, với những nhíp lắc lư theo sóng của những chiếc xuồng.

Chạy dài theo mé rạch là một hàng dừa với những buồng trái sai oằn.

Nhà nào cũng trồng dừa dưới bến sông. Thường người ta trồng dừa lửa hay dừa bị để lấy trái khô bán cho các ghe buôn dừa. Dừa lửa có màu vàng ngả sang đỏ, còn dừa bị da xanh, trái rất to. Có một vài nhà trồng dừa xiêm, trái nhỏ, nước ngọt thanh, thường để ăn chơi, không bán, vì không thuận đường tới nơi tiêu thụ. Quê tôi còn có loại dừa giòn, chỉ cần bóc lớp vỏ xanh bên ngoài là có thể ăn luôn đến cả sọ

dừa, giòn và ngọt. Có những cây dừa trồng sát mé rạch, đổ nghiêng ra mặt sông, trẻ con chúng tôi hay trèo lên chơi, làm cho thân dừa lóng lánh. Ngồi trên thân dừa gie ra sông mà câu cá thì rất thích. Thỉnh thoảng ở bờ sông cũng có những cây gừa, cây tra. Cây dừa giống như cây si, rễ phụ rũ lòng thòng trên mặt nước. Còn cây tra lá dày, nhám, to, hình quả tim, bông tra cũng to, màu vàng yểu hay vàng da cam. Bóng dừa, bóng tra che xuống dòng rạch, làm nơi tụ hội tốt cho lũ cá thát lát, cá trà vinh.

Vườn quê tôi trồng xen đủ thứ cây ăn trái: vú sữa, sa-bô-chê, lê-ki-ma, măng cầu xiêm, mận (roi), ổi, mít, dâu, quýt, xoài, măng cụt, chuối... Vú sữa tím, vú sữa vàng, thứ nào cũng ngon. Nhựa sa-bô-chê dính chuồn chuồn rất tốt. Chuối lá xiêm, chuối lá ta, chuối và

hương, chuối và lùn, chuối ngự, chuối bôm, chuối cau... cả chuối hột nữa. Chuối hột ăn cũng ngon (trẻ con lúu tuổi ấy, thứ gì mà chẳng ngon, đến ổi xanh chấm muối trong lòng bàn tay, ăn trên cây với người bạn nhỏ hàng xóm cũng nhớ mãi cả đời!). Còn cây chuối hột là cái kho cung cấp nguyên vật liệu cho chúng tôi làm bóng đá. Vâng, lúc ấy chúng tôi không có bóng nhựa, cũng chẳng có bóng cao su. Chúng tôi lấy lá chuối khô cuộn chặt lại, bên ngoài bọc lớp lá chuối hột. Lá chuối hột to và rất dẻo dai. Bẹ chuối chẻ ra phơi khô làm dây. Dây chuối hột thật chắc, chúng tôi buộc bên ngoài cuộn lá chuối, rồi đan mặt lưới thật tròn, thật bền. Một người bạn mới của tôi, tên là Ba-sát-cá, rất khéo tay, quần bóng rất tròn, đan bóng rất đẹp. Quả bóng lá chuối đá này chẳng thua bóng nhựa. Thế mới cù! Một quả bóng chuối hột chúng tôi đá được mười ngày, trong điều kiện là chiều nào cũng đá đến tối mịt, và đá trên sân gạch nữa. Như vậy đã rõ tài làm bóng chuối hột của Ba-sát-cá. Song cái tài nhất của bạn tôi là tài bắt cá, vì vậy mà

thành hẳn ra tên. Cái tài ấy, các bạn sẽ thấy trong những chương sau.

Về những kỷ niệm miệt vườn, như chuyện tôi đi gác vườn quít đường của bác tôi, làm thế nào để ăn được quít mà không bị mắng, như chuyện chơi trong nhà chòi giữa vườn, lấy các thứ trái làm cổ, như chuyện mùa xoài, sáng sớm ra đi lúc nào thì tìm được nhiều trái chín rụng..., những

“kỷ niệm miệt vườn” ấy, nói ở đây sẽ dài dòng và lạc đề.

Có bạn sẽ hỏi: ở đây chỉ làm vườn chứ không trồng lúa? Thưa: có. Nói chung, ở làng tôi, nhà nào ít nhiều cũng có ruộng. Có vùng, vườn chiếm hết đất, muốn làm ruộng, phải đi xa dăm, mười cây số. Hầu như nhà nào cũng làm vườn, làm ruộng và bắt cá trên sông.

02. Ở sông rạch phải biết bơi và biết bắt cá

Lúc mới về quê, tôi có một chỗ yếu rõ rệt so với các bạn cùng tuổi ở

làng: tôi chẳng biết bơi. Bởi vì lúc đó, ở Sài Gòn, không phải bắt cứ

đứa trẻ nào cũng có thể đến pít-xin (bể bơi) học bơi. Ba-sát-cá là người đầu tiên phát hiện ra chỗ yếu kém ấy của tôi. Hồi đó, ở làng, trẻ con và người lớn ai cũng chỉ có tắm sông. Nhà giàu mới có nhà tắm.

Buổi chiều đầu tiên về làng, tôi ra sông, ngồi trên chiếc cầu dừa mà tắm. Ba-sát-cá cũng cởi quần áo, nhảy xuống sông. Nó bơi, thỉnh thoảng liếc nhìn tôi. Một lúc, nó đến gần, thổi nước ra từ trong miệng và hỏi:

- Ê, hổng biết lội hả?

Tôi đỏ mặt, lúng túng:

- Ờ, ờ... biết chứ. Mà lội sông, tao chưa quen...

Nó nói :

- Cứ lội, rồi quen thôi.

- Ai dạy mà mày lội giỏi vậy?

Nó nhìn tôi ngơ ngác, không hiểu. Có lẽ nó cũng không nhớ nó biết lội từ lúc nào. Nó lúng túng trả lời:

- Cứ... nhảy xuống sông là biết lội thôi...

Sau này, tôi ngó thấy một em nhỏ mới biết bò, chơi trên thuyền chài, bà mẹ ngồi làm cá một bên. Đứa nhỏ bò loanh quanh, chộp cái gì đó, trật tay, rơi tùm xuống nước. Bà mẹ thuận tay, xốc nách lôi lên, vuốt mặt cho mấy cái, cởi chiếc áo ướt ra rồi lại bỏ thẳng bé bò chơi bên cạnh.

Lúc đó, tôi chưa hiểu lắm, song nhìn Ba-sát-cá, tôi tin ở lời nó. Tôi nói:

- Mày lội coi.

Nó sai tay, bơi ra xa, thỉnh thoảng quay lại nhìn tôi. Tôi cũng sai tay quạt nước nhưng đi trên bãi bùn, men theo mé nước. Nó quay lại bảo:

- Mày tập lặn trước đi.

Tôi đưa tay bóp mũi, thụp đầu xuống nước. Khi tôi ngẩng lên, vuốt mặt thì thấy nó đang nhe răng cười. Nó nói:

- Đừng bóp mũi. Nước không vô được đâu. Mày lặn xuống, cứ thở ra nhẹ nhẹ là nước không vô mũi được.

Tôi làm theo lời nó. Ờ, cái thằng nói trúng quá! Tôi lặn được mấy hơi thì nó bảo:

- Bây giờ mày úp mặt xuống nước, chân tay cứ quạt mạnh. Hết đứt hơi thì đứng lên.

Tôi lại làm theo. Nó bơi trước một chút, đứng lại, gọi tôi bơi theo bắt nó. Cứ thế, tôi vừa tập bơi vừa chơi trò đuổi bắt dưới nước. Chúng tôi mãi mê trầm nghịch đến khi nước rút sát mép rạch bày ra bãi bùn dài.

Ba-sát-cá lại có trò chơi mới. Nó lấy tấm ván ngắn lót giữa xuống nhà nó mang lên bờ sông. Nó đặt ván xuống bùn, đẩy một đường trượt tận mé nước. Xong rồi, nó té nước lên cho ướt hết đường trượt. Nó lại xách ván đặt lên cao, ngồi trên ấy, trượt dài. Về... eo một phát, tấm ván đâm nhào xuống mặt sông, nước bắn lên trắng xóa. Nó cho tôi trượt mấy lần.

Chúng tôi vừa reo hò, vừa trượt ván. Thích thật, thích hơn là trượt ván khô ở vườn Bờ-rô Sài Gòn. Thích quá, tôi cứ giành lấy tấm ván mà trượt. Ba-sát-cá chẳng cự nự gì. Nó lại làm một đường trượt khác, không cần ván. Nó cứ ngồi lên cái quần da tự nhiên cha mẹ đã sinh ra cho mà trượt ào ào trên bãi bùn. Tôi thấy Ba-sát-cá đã từng chơi trò này lâu rồi. Nhưng hôm nay, chơi với người bạn mới từ Sài Gòn về, trò

chơi cũ bỗng thành một thích thú mới, nó hào hứng hẳn lên.

Mặt trời đã xuống sát ngọn dừa bên kia vườn. Tôi vội vàng thụp xuống nước kỳ cọ bùn bám trên người. Ba-sát-cá cũng giặt mình:

- Ý, chết! Tao còn phải mò cá cho má tao buổi chiều.

Nói vậy, nhưng nó vẫn giúp tôi rửa những vệt bùn bám trên trán, trên tai mà tôi không nhìn thấy. Chắc nó biết muốn giữ cho tình bạn được lâu dài thì phải làm sao cho má tôi biết rằng chúng tôi vẫn là những đứa con ngoan.

Rửa ráy cho tôi xong, nó nhảy ào ra sông, bơi đến cây cầu dừa nhà tôi.

Nó thụp đầu lặn xuống nước. Một lúc, nó trồi lên lắc mái tóc thật mạnh cho văng hết nước, rồi mở mắt ra, nhìn tôi, nhe răng cười. Nó giơ hai tay ra khỏi mặt nước. Ủi chao! Một bàn tay nó nắm con tôm đất, vỏ xám đen, lớn như ngón chân cái. Một tay nó nắm con cá bóng cát, da phơn phớt vàng. Tôi reo lên, bươn bả rẽ nước đến với nó. Nó vẫn điềm nhiên đứng giơ con tôm và con cá lên. Nó bảo tôi:

- Mày cởi dây lưng tao ra giùm coi.

Đó là sợi dây gai được xe rất chắc, chỉ nhỉnh hơn cái ruột bút chì đen một chút, nó luôn buộc ngang lưng, thay cho dây lưng quần. Về sau, tôi

để ý thấy quần nó không có dây lưng. Khi mặc quần, nó chỉ kéo lên, giắt mép vào phía trong sợi dây. Khi muốn tắm, chỉ cần kéo tuột quần xuống là xong. Tôi vừa mở dây buộc quanh bụng nó vừa nghĩ: Ai dè đây lại là thứ “đồ nghề” của nó. Ở đầu sợi dây, có một đoạn dây thép nhỏ, cứng. Bằng động tác rất thành thạo, chỉ với hai ngón tay, nó vạch mang con cá bóng cát, bảo tôi xỏ dây vào, rồi lại bảo tôi xỏ đầu dây thép qua cái vòng tròn nó đã làm sẵn ở cuối sợi dây gai. Thế là con cá bị

xỏ khâu. Nó cầm sợi dây tôi trao cho, đâm đầu thép qua lưng con tôm, kéo xuống cho sát với con cá bóng. Tôi nói :

- Không có tao thì mày làm sao?

- Tao cắn con tôm vô miệng. Rồi tao xỏ con cá.

Thằng này “nghề” thiệt! Nó không quan tâm lắm đến ánh mắt thán phục của tôi. Nó ngậm đầu dây vào mồm, bơi đến cây cầu tiếp liền bên cạnh.

Nó lặn mò một hơi. Lại được tôm nữa! Nó vừa xỏ khâu con tôm, vừa bảo tôi:

- Mày lên đi. Tối rồi. Lạnh.

Tôi không thể nào bỏ ngay cái trò hấp dẫn này. Nó nói:

- Vậy mày cứ lên. Rồi ôm luôn quần áo giùm tao. Mày đi trên bờ theo

tao mà coi cũng được.

Nó nói phải. Tôi lên bờ, vợ vội quần áo của hai đứa, ôm vào lòng, chạy theo nó đến chiếc cầu kế tiếp. Nó lại lặn xuống, tôi đứng trên cầu chờ

xem. Mặt trời đã khuất sau rặng vườn. Gió sông lạnh. Tôi chưa mặc quần áo vội, cứ đứng trên cầu.

Người tôi co ro, tôi dùng hai đùi cặp chặt đôi bàn tay mà các ngón đã móp hết vì lạnh, đưa mắt trông xuống nước. Nó trồi lên: lại một con cá khá to cầm tay!

Trời ơi, bộ mấy cây cầu là chỗ nó giấu tôm cá hay sao chứ! Tôi hỏi giật:

- Làm sao bắt?

Nó giơ tay ra bộ:

- Hai tay ốp cột cầu, vuốt xuống, đè chặt dưới bùn. Hoặc là rà theo lườn cây dừa. Làm riết thì quen tay thôi.

Nó nói vậy chứ về sau, tôi đi mò mãi mà không được nhiều cá như

nó. Người lớn xuống sông tắm, có khi cũng mò tôm cá chơi. Nhưng không một ai ở làng tôi tay không bắt được cá tôm nhiều như nó. Lần lần tôi nghiệm ra một vài “quy luật”.

Chẳng hạn phải đi ngược dòng chảy của nước, nếu không, tiếng nước khua và bùn đất trôi xuôi báo động cho lũ cá tôm rời chỗ nấp. Hoặc là cảm giác ở bàn tay và ngón tay phải nhạy bén khi đến gần tôm cá. Những ngón tay của Ba-sát-cá dường như là có nhiều “sóng điện” báo cho nó biết khi mò cá tôm dưới nước. Đó cũng là một thứ tài riêng.

Trời chạng vạng tối thì xâu cá của thằng Ba cũng đã dài. Nó khua nước rửa chân tay mặt mũi rồi lên bờ. Nó nói:

- Chắc má tao đang chờ.

Nó đón bộ quần áo của tôi đưa cho, và cứ thế xách cá chạy nhong nhong về nhà.

03. Mùa nước nổi, ngôi nhà câu vệt

Tháng tám ta, quê tôi vào mùa nước nổi. Lũ Mê-công đổ xuống, nước tràn về khắp sông rạch, ruộng vườn. Ở Nam Bộ không có đê, nước lũ cứ chan hòa khắp nơi trên mặt đất. Đường làng ngập hết. Trẻ con đi học xắn quần đến háng, lội lấm bẫm.

Người lớn đi chợ, quần cũng quá gối. Khó nhất là đi qua cầu, mà cầu thì nhiều vô kể. Qua cầu phải đi mò, nói đúng hơn là đi thuộc lòng.

Những tháng nước không ngập, hằng ngày mình đi học, đã thuộc lòng từng bước trên mỗi chiếc cầu. Bây giờ đi mò, cũng là một thứ trả bài học thuộc lòng. Buổi sáng, giờ đi học, cứ đến đầu cầu là trẻ con dồn lại chờ nhau. Tiếng con trai liến thoắng, con gái léo nhéo.

Tiếng cười khúc khích, tiếng giật mình la ré. Có khi một đứa té xuống nước, rồi bò lên vắt áo, lại đi. Cũng có nhiều đứa đi xuống. Mùa thu, cả làng như chìm trong nước. Vườn tược, cây trái như những cái cù lao.

Một buổi chiều mùa nước nổi, không đá bóng được, buồn quá, tôi lội sang nhà Ba-sát-cá chơi. Cậu ta đang lúi húi lục rổ may của mẹ. Vẫn bộ

quần áo bốn mùa: quần xà lỏn màu nước dừa và cái áo thun lá màu cháo lòng. Vẫn đôi mắt ranh mãnh, cái mũi cong hót lên, môi mỏng và hàm răng trắng như đang cười. Nhiều lúc nhìn cái mũi của Ba-sát-cá, tôi cứ

phân vân: Lạ thật! Thằng có cái mũi hót như vậy mà khi lặn, nước

không chun vô mũi được. Hay là mũi nó giống như mũi con tê, có cái sừng hót lên, rẽ được nước như người ta thường nói?

Thấy tôi, Ba-sát-cá lại hếch mũi lên, nhe răng cười. Tôi hỏi:

- Mà làm gì đó?
- Tao kiếm cây kim...
- Vá quần à?
- Không. Làm cái này, hay lắm.

Nó lôi ra một cái kim may sút đít, đưa vào tận mũi tôi:

- Kiểm cái này. Cái này má tao không xài nữa, để dành cho tao.

- Làm gì?

Nó không trả lời, kéo tôi tới một bên vách. Vách nhà lá chằm, tức là lá dừa nước róc ra, kết lại thành tấm, buộc vào các nẹp tròn, làm thành vách. Do đó, trên vách lá chằm, thằng Ba có thể giắt đủ thứ đồ

nghe bắt cá. Nó rút ra một khúc gỗ tròn như cán dao, một đầu đóng chặt mẫu thép hình chữ n. Nó gọi đó là cái nỏ dùng để uốn lưỡi câu. Nó đưa

mũi nhọn đầu kim vào giữa hai mẫu thép, uốn một lúc cái kim sút đít thành ra lưỡi câu. Nó lấy một đoạn chỉ may, chắp đôi, đưa tôi cầm một đầu: đầu kia, nó đặt trên bấp về mốc đen, xòe bàn tay ra xe. Nó đem chỉ tóm vào lưỡi câu rồi rút từ vách ra một ngọn trúc, buộc vào. Thế

là chúng tôi có một cần câu nhỏ. Thật ra, trên vách, Ba-sát-cá giắt rất nhiều cần câu, nhỏ to đủ loại. Có cả một cần câu làm nguyên một cây trúc, dựng cạnh cột cái, cao gần sát mái nhà. Ba-sát-cá héch mũi lên cười với tôi:

- Tụi mình đi câu chơi.

- Câu ở đâu?

- Ở góc nhà thôi.

Tôi chưa hiểu. Nó vào bếp, lấy cái nồi đất đặt lên lửa, bốc nắm cám bỏ

vào. Nó rang cám cho vàng, thơm phức. Xong rồi, nó bảo tôi mang cám và xách một cái rổ ra ngoài hàng hiên trước nhà. Còn nó đi lại lục trong túi áo bà ba thường mặc đi học một vốc trái ké đầu ngựa. Trái ké này mọc nhiều trên đường chúng tôi đến trường. Những buổi học về, chúng tôi hay hái trái ké ném vào tóc, trên bẹn con gái. Trái ké có gai cong cong và dính như nhựa, bám vào tóc gỡ trần thân mới ra. Nó đưa cho tôi nắm trái ké, bảo bóc ra lấy hạt. Hạt trái ké già màu trắng, tròn và nhỏ như hạt tấm. Tôi hỏi:

- Lấy hột ké làm gì?
- Làm mồi câu cá.
- Trước thềm nhà thì có cá gì?
- Có chớ. Cá lòng tong.

Mùa nước, cá lòng tong đi từng bầy, nhiều lúc nổi lên mặt nước. Chúng dạn lắm, kéo đến tận thềm nhà. Tôi hay giậm chân, dọa cho chúng chạy hoảng rào lên. Tôi biết đâu là có thể câu chúng, mà câu bằng mồi hột ké mới lạ.

Ba-sát-cá móc hột ké vào lưỡi câu, chọn thế ngồi, tìm nơi đặt rổ, rồi bốc một nắm cám rang rải xuống. Nắm cám tan nhanh, loang ra trên mặt nước. Chẳng mấy chốc, những con cá lòng tong nhỏ bằng ngón tay theo mùi cám thơm bầu đến cả đàn.

Chúng nhào lên, lộn xuống, đâm qua xỉa lại, trông thật vui mắt. Lúc đó, Ba-sát-cá mới bắt đầu công việc. Nó vục lưỡi câu xuống nước, rồi trong khoảnh tích tắc, nó lại giật chéo lên. Một con cá lòng tong từ

dưới nước lao lên không khí theo lưỡi câu, vừa hết đà thì rơi trúng ngay vào cái rổ Ba-sát-cá để vừa tầm. Cứ thế, Ba-sát-cá cầm cần câu

vục xuống, giật lên, vục xuống, giật lên. Lưỡi câu móc hột ké vút qua, vẽ một vòng cung trong không khí, rơi xuống mặt nước và dừng lại đó trong khoảnh khắc, lại bay vút lên trên miệng rổ, lôi theo cả đàn cá lòng tong, từng con từng con một. Veo... pắc! Veo... pắc! Tay Ba-sát-cá dẻo nhẹ, quay giật đều đều như cái máy. Đám cá lòng tong vẩy lấp lánh bạc, hai bên hông chạy hai đường chỉ đen rồi loang ra xanh phớt màu lá mạ, nhảy lách chách trong rổ như vẫn còn ngơ ngác vì cái trò xiếc chóng mặt vừa rồi. Veo... pắc! Veo... pắc! Cái máy câu cứ quay, cứ vục. Cá đua nhau từ nước bay lên rổ, coi thiệt đã!

Tôi ngạc nhiên hỏi :

- Ê, bộ cá lòng tong thích ăn hột ké hả?

Vẫn không ngừng tay vục, Ba-sát-cá đáp :

- Đâu có! Nó tưởng là hột tằm. Hột ké câu hoài, còn hoài, ít khi rớt.

Còn hột tằm, làm sao móc vô lưới câu...

À, lũ cá này bị thằng Ba gạt, tưởng có hột tằm ngon lành trong cái mớ

cám thơm phức nhưng tan loãng trong nước kia. Ai dè đó là hột ké! Khi lũ cá vào rổ thằng Ba gần hết, những con còn lại biết mình bị gạt tản đi thì thằng Ba lại bốc một nắm cám rang rắc xuống. Và những con cá từ

xa bắt mùi cám thơm lao đến, nhào lên lộn xuống một hồi rồi phóng tuốt

lên rổ thằng Ba đặt trên thềm nhà. Tôi bảo nó:

- Cho tao câu một chút.

Nó nhường cần và nhường chỗ cho tôi. Tôi bắt chước nó. Mới đầu, hơi lóng ngóng một chút, nhưng sau quen dần, tôi cũng vục như máy. Veo...

pắc! Veo... pắc! Cá lòng tong bay theo lưới câu tôi, rớt xuống rổ nhảy lách chách. Veo... pắc! Veo...pắc! Câu vục thiệt đã tay! Có điều là tôi không làm sao cho lũ cá bay lên rổ nhiều như là Ba-sát-cá. Chắc tại bàn tay tôi không nhạy cảm khi mồm cá chạm vào hột ké như bàn tay thằng Ba, mặc dù hột ké cứ theo đà vục bay veo... pắc, veo... pắc! A ha, câu vục khoái thiệt!

Đến lúc chúng tôi đã mệt và đàn cá đã chán cái trò xiếc chóng mặt này mà bỏ đi thì cá trong rổ đã khá nhiều. Ba-sát-cá gom chúng lại gần đầy một tô. Nó nói:

- Đủ ăn bữa nay rồi. Cá lòng tong kho nước mắm ngon, cho một muống mỡ

và nhiều tóp mỡ, rắc tiêu lên, ăn ngon lắm.

Nước ngập mênh mông, ngồi trong nhà không đi đâu hết mà cũng có cá ăn.

Quê tôi đó, các bạn ạ!

04. Cá he vàng

Khi nước sông Cửu Long đã rút xuống, chảy hiền hòa và êm dịu giữa đôi bờ, khi lúa trên đồng bắt đầu cong trái me dầy hương thơm ngát, thì đó cũng là lúc cá he về nhiều trên sông rạch quê tôi.

Một sáng chủ nhật trời nắng vàng ươm, gió chướng lao rao trên ngọn dừa, Ba-sát-cá bảo tôi sửa soạn mời đi câu cá he. Tôi nói:

- Tao đi đào trùn (giun) nghe?

Nó chun mũi lại, “xì” tôi:

- Cá he ăn thóc lúa và rong rêu dưới nước. Nó có ăn trùn dế đâu. Mà ra sân kiếm ít bông gòn. Tao đi rang cám.

Tôi nhìn nó, nghi hoặc. Cá he ăn bông gòn à. Song tôi không dám hỏi, sợ nó lại “xì”. Tôi ra trước nhà đi đến hàng gòn, ngược mắt nhìn. Ở

quê tôi, người ta thường trồng gòn trước nhà làm thành hàng rào ngăn khu vườn với đường đi. Cây gòn cao, to, thân tròn đến ba bốn chét tay.

Thân cây lúc nào cũng xanh, da láng, mịn mượt, mát cả tay. Tôi kiếm đã mỗi cổ mà không thấy một cái bông nào. Mùa này gòn làm gì còn bông.

Chỉ có những trái gòn giống hình trái bắp đeo lưng lẳng trên những cành đâm ngang. Nhớ đến hột ké hôm câu vệt, tôi muốn trèo lên bẻ trái

lấy hột. Ba-sát-cá đã cho tôi ném hột gòn. Trái non màu xanh, hột trắng ăn ngọt chát, còn trái khô thì hột đen, có dầu béo. Mùa này đã có trái gòn chín, vỏ khô quắt lại, tách ra, để cho bông gòn bay tả tơi theo làn gió chướng. Bông gòn nhồi gói êm lằm. Hay thằng Ba bảo tôi lấy bông gòn này? Tôi giờ tay đón bắt những túm bông gòn nhẹ như tơ

nhện đang bay bay, nhưng khó lòng mà bắt được. Thôi, cứ trèo quách lên cây, hái xuống một trái khô, đầy bông.

Tôi mang trái gòn vào nhà thì Ba-sát-cá cũng vừa rang cám xong. Nó lấy một chén cơm, trộn với cám, rút bông gòn ra, trộn vò nữa.

Xong, nó đổ

các thứ đó vào cối, lấy chày giã một hồi cho thật nhuyễn. Nó cắt nghĩa: cơm với cá ngâm dưới nước sẽ nở ra, có bông gòn nó giữ chặt lại. À, té ra là vậy, chứ không phải là cá he thích ăn bông gòn.

Ba-sát-cá vét cối, vắt thành hai cục mỗi to như hai nắm đấm. Mỗi đứa chúng tôi thử một cục vào cái túi áo, rồi vác cần câu lên vai, ra đi.

À, tôi quên nói là Ba-sát-cá đã làm cho tôi một chiếc cần câu trúc vàng ánh, đẹp chẳng kém của nó. Tôi cũng khệ nệ xách theo một thùng thiếc để câu được cá, bỏ vào đó cho nó lội coi chơi.

Ba-sát-cá dẫn tôi đến nhà máy xay lúa, cách nhà chúng tôi chừng vài trăm mét. Chưa đến nơi, đã thấy cái bến cầu to ồn ào, náo nhiệt. Từng dãy xuống và tam bản chen chúc, cái nọ sát cái kia, chiếc sau cắn đuôi chiếc trước. Các chị hàng xáo khăn rằn hay khăn bông đội vắt trên đầu, nói chuyện to như cãi lộn, tay bằng miệng miệng bằng tay. Có chị to,

mập, cắp một bao đầy gạo bên hông, người vẹo lệch đi, bước trên ván cầu rầm rầm. Các anh cu-li mặc quần đùi, cởi trần, một mảnh vải bố

trùm đầu vai vác những bao thóc tạ từ mấy chiếc ghe chài dưới sông qua tấm đòn dài nhún lên nhún xuống vì nặng, chạy tuốt lên bờ ném lên xe rùa, bụi thóc bám đầy lưng ướt đầm mồ hôi. Mấy đứa bé trạc tuổi tôi gò lưng đẩy xe rùa trên đường ray sắt chạy ào ào vào nhà máy, vừa đẩy vừa la hét: “Tránh ra! Tránh ra!”. Cuối cầu tàu, ngoài kia, mấy chiếc ghe chài chở lúa khẳm lừ đang chờ lượt lên lúa, những ông chủ ghe cởi trần, bụng phệ ngồi trong cái ống điều có cán dài ngoẵng.

Ba-sát-cá dắt tôi ra chót cầu, gần chỗ mấy chiếc ghe chài. Ở đây xa bờ, nước chảy êm, không bị ồn ào khuấy động. Những hạt thóc vương vãi, rơi rắc xuống sông bị nước dồn ra cuộn lại, quanh quẩn dưới mấy chiếc ghe chài, làm nơi tụ hội tốt cho lũ cá thích ăn sang. Ba-sát-cá véo một miếng mỗi bằng hạt bắp, bóp chặt quanh lưỡi câu. Nó quệt nhẹ chót cần câu xuống mặt nước cho ướt khắp sợi nhợ rồi thuận tay buông lưỡi câu bằng một động tác rất điệu. Tôi

không biết làm nên đành phải nhắp cần câu lên xuống mấy lần, sợi nhợ mới thấm đều và chìm lặng xuống nước. Ba-sát-cá nheo cặp mắt ranh mãnh, nhìn tôi mà cười. Bất cứ

câu cá gì Ba-sát-cá cũng đều không cần phao. Nó nói: phao để cho những người câu chơi, còn mình câu quen rồi thì để cho bàn tay tiếp xúc thẳng với cái miệng con cá tội gì ngăn cách bằng cái phao.

Tôi đứng bên nó, chăm chú nhìn xuống mặt nước. Dòng nước chảy nhẹ,

xoáy gờn gợn quanh chân cầu gờn gợn ở các mũi ghe chài. Có cái gì chạm vào lưới câu, sợi nhợ động đậy và bỗng nhiên bị lôi đi. Tôi giật mình, giật tung lên. Những giọt nước nhỏ bắn lên mặt và cục mồi đã đi đâu mất, còn trơ lưới câu không. Ba-sát-cá liếc nhìn tôi nói:

- Nó lôi, đừng giật. Chừng nào nó rị chẳng xuống thì mới...

Nói chưa hết câu, nó đã giật phất đầu cần bằng một động tác gọn, dứt khoát. Sợi nhợ bị giăng lại một giây dưới nước, rồi một con cá he bị

giật lên, quần quai giẫy giụa trong không. Con cá theo đà giật bay luôn tới trước mặt Ba-sát-cá. Cậu ta đưa tay trái lên tóm gọn nó như

cầu thủ bóng bàn tóm gọn trái bóng vợt trật ra bàn. Tôi thích quá, reo lên. Nó suýt tôi, chỉ cái ông chủ ghe bụng phệ, nói nhỏ:

- Coi chừng! Người ta thấy mình được cá, người ta kiếm cách đuổi đi...

Nó nhanh nhẹn gỡ con cá, bỏ vào thùng thiếc.

Ba-sát-cá giật được ba, bốn con mà tôi chưa được con nào, chỉ toàn mất mồi. Tôi sốt ruột rồi. Phen này, tao để cho mày nuốt vô tới ruột, tao mới giật. Lưới câu động đậy, tôi hồi hộp quá. Con cá đang vờn mồi đây, cái mồi nó đụng vào mồi câu. Đột nhiên, sợi nhợ vụt kéo sang bên. Tao biết rồi, mày lôi thứ mà... Và sau đó thì sợi nhợ bị rị mạnh xuống: Tôi càng hồi hộp, ngực đập thình thình. Cắn rồi, nuốt vô, nuốt vô đi con!

Ba-sát-cá liếc sang tôi ra lệnh:

- Giật đi!

Tôi giật cần. Một sức gì đó dưới nước giằng mạnh dây câu lại. Tôi cảm thấy rõ rệt con cá đang cong người, dùng đuôi móc chặt cả thân mình lại với dòng sông. Và ở bàn tay tôi, tự nhiên cũng sinh ra một lực vừa hơn sức trì lại của cá một chút xíu thôi. Cảm giác rì lại và giật lên ở bàn tay thật đầm, thật thú. Tôi có được phản ứng đúng đắn đó sau vài lần giật mạnh, quá tay. Đây rồi, con cá bay vọt lên khỏi nước, giãy giụa tìm cách thoát thân. Nhưng ngọn trúc cũng dịu dàng, nhún nhảy, uốn lên uốn xuống, mềm mại mà căng chặt nên con cá không làm sao rầy lưới câu ra được. Tôi giờ tay chộp, hất tới hất lui vì sức giãy của nó, nhưng cuối cùng tôi đã nắm chặt được nó trong lòng bàn tay. Tôi gỡ

lưới câu ra, bỏ cá vào thùng. Con cá to quá, bằng bốn ngón tay, khéo to hơn mấy con cá thề Ba vừa câu được. Tôi gác cần, cúi đầu vào thùng xem cá.

Thật ra, con cá he của tôi cũng đồng trang lứa với mấy con cá của thề Ba. Hình như chúng ở dưới nước cả một đàn, không biết bao nhiêu con. Cá he có vảy trắng mềm, lấp lánh bạc. Thân nó hình thoi. Cá he giống như cá giếc ở miền Bắc, nhưng vảy cá giếc không lấp lánh bạc mà hơi ngả màu phơn phớt xám tro; so với cá giếc, cá he dày mình, to, mập mạp hơn nhiều. Đến độ trưởng thành, nó to như một bàn tay người lớn,

vảy vàng hực. Tôi mê mãi ngắm cá bơi lội uyển chuyển trong thùng.

Chúng thật đẹp. Đặc biệt cặp mắt tròn viền đỏ, nom vừa đẹp vừa duyên.

Người dân quê tôi gọi nó là cá he vàng, có nơi còn gọi là cá he nghệ.

Tôi thích gọi cá he vàng hơn. Tên gọi ấy nghe êm, có tình, lại quý, gợi nhớ đến những chuyện cổ tích. Cá he vàng sống đông đúc ở ngoài sông Cái mênh mông (sông Hậu, theo tên gọi của dân quê tôi), còn ở

trong rạch thì ít hơn, thường là loại nhỏ khoảng hai ba ngón tay thôi.

Muốn bắt cá he vàng đúng cỡ thường người ta chắt chà ngoài sông Cái, rồi quay đặng lại bắt. Người đi chài thỉnh thoảng cũng bắt được cá he to. Còn đi câu, thường chỉ được loại cá nhỏ. Chuyện đi chài và chắt chà, dỡ chà, sau đây tôi còn có dịp nói tới. Những con cá he vàng to đúng cỡ là một “đặc sản” của vùng quê tôi.

Nếu tôi không làm thì cá he ở sông Tiền, sông Hậu đều có, nhưng có nhiều và ngon nhất là vùng sông Hậu chảy ngang quê tôi. Bởi vì sau này lớn lên, tôi có dịp đi nhiều nơi trên đất nước, không thấy ở đâu người ta nhắc tới cá he chiên hay cá he nấu mỡ như một món ăn ngon đặc biệt, ai ai cũng công nhận, nhắc nhiều đến như người quê tôi. Chỉ có một nơi, người sành ăn cũng chuộng và hay tìm mua cá he vàng về thưởng thức, đó là Sài Gòn. Mà hình như chỉ có các chợ vùng trung tâm đồng bằng sông Cửu Long và chợ Sài Gòn là có bán cá he. Tôi nghĩ rằng cá he bán ở chợ Sài Gòn là cá he của vùng quê tôi chở tới. Sau này, tập kết ra Bắc, ở Hà Nội, tôi nghe người ta đồn về cá anh vũ một loại “đặc sản” của vùng sông Lô chảy qua Việt Trì. Tuy vậy, nhiều năm tôi đi chợ

Hà Nội, không gặp được cá anh vũ. Mấy lần tôi lên Việt Trì, nhờ bè bạn mua cá anh vũ về nếm thử, nhưng tiếc là cá chỉ có trước khi tôi lên hoặc sau khi tôi đã xong đợt công tác trở về. Người ta nói cá anh vũ

đặc biệt ngon ở hai môi cá, vì chúng bám vào chỗ những vực đá ngầm dưới sông chảy xiết, rằng ngày xưa, đó là cá tiến dâng vua... Còn cá he vàng quê tôi thì đặc biệt ngon ở cái bụng béo, thịt thơm. Hồi gia đình tôi còn ở Sài Gòn thỉnh thoảng má tôi đi chợ vẫn mua cá he vàng. Khi thì kho, khi thì chiên, khi nấu mỡ. Cá he vàng kho nước dừa, để

nguyên vầy, vầy ăn mềm, ngọt và béo chứ không xam xảm như vầy những con cá khác. Cá he vàng chiên mỡ, thịt thơm, bụng béo, gợi mùi béo của dừa, béo của trái cây, ăn ngoài không ngán. Thịt nó thơm ngon như thịt gà, lại có cái gì như mùi hương lúa chín, ăn lâu sẽ cảm nhận được mùi hương đó. Cá he vàng nấu mỡ là một món ăn rất Nam Bộ. Chỉ có cá và nước, nước nhiều như canh, nhưng vị mặn đậm hơn canh một chút, nước trong veo, mỡ cá nổi lấp lánh, li ti, hợp tan xao động khi tô cá đang bốc khói; hành xanh và ngò (rau

mùi) dậy lên một mùi thơm riêng biệt, gợi mùi thơm của đất đai trù phú, vườn tược sum suê. Người ta bảo cá he vàng thịt béo và thơm đặc biệt vì chúng ăn rất nhiều thóc lúa và cây trái của cái vùng nhiều thóc lúa cây trái nhất đồng bằng sông Cửu Long, lại là nơi nhiều thóc lúa cây trái nhất trong cả nước. Lòng sông Hậu đoạn chảy qua quê tôi rất rộng, có nơi đến vài ki-lô-mét. Còn những con rạch đổ ra sông thì lại chảy qua những cánh đồng lúa bát ngát, những vườn cây trái bạt ngàn...

05. Câu giăng trên sông, câu nhắp trên mương, rạch, ao, đầm...

Ba-sát-cá có nhiều loại cần câu giắt đầy vách, để hẫng bên một góc nhà.

Điều đó cũng không lạ vì ở miền sông nước, cá tôm phong phú nên cách đánh bắt rất đa dạng. Riêng về câu, Ba-sát-cá có một lô cần câu

“chuyên dung”. Có loại cần câu “vạn năng”, câu đủ thứ cá, làm bằng ngọn trúc vàng óng, vừa nhẹ vừa bền, có độ cong tự nhiên rất đẹp. Loại câu cá thát lát thì to hơn và dài hơn một chút, nhờ câu có gắn một hòn chì vì cá thát lát quy tụ nhiều ở nơi có dòng nước chảy xiết. Loại câu cắm, bằng tre vót, bó lại từng bó vài mươi cần, có khi là những đoạn sậy già chỉ cần dung để căng sợi nhợ câu. Loại câu nhắp là cả cây trúc dài, loại câu rê thì có khi làm bằng nguyên một cây tầm vông, dựng ngoài vách cao khỏi mái nhà. Còn loại câu lươn thì chắc bạn ít ngó thấy. Câu lươn không có cần, các bạn ạ. Chỉ có một sợi nhợ, đầu buộc lưới câu, đầu kia là miếng gỗ nhỏ như ngón tay cái thôi... Những năm tuổi nhỏ, tôi đã theo Ba-sát-cá đi câu bằng đủ thứ kiểu câu ấy. Mỗi kiểu một thú riêng...

Chẳng hạn như câu giăng. Nói cho đúng ra, người lớn thường câu giăng dọc theo rạch hay sông cái. Một chiếc xuồng, khi một người, khi hai người, bủa văng câu dài cả trăm mét, câu cá to... Còn Ba-sát-cá và tôi thì câu theo lối trẻ con, đường câu dài chừng vài chục mét, cũng chẳng cần xuồng. Bạn có thể hình dung câu giăng là một sợi nhợ dài, từng đoạn có buộc những lưới câu, như ở thành phố người ta giăng một sợi

dây điện ngang đường, từng đoạn buộc những bóng đèn trang trí trong ngày lễ. Hôm nào bận việc nhà hay mãi theo một trò chơi nào đấy, Ba-sát-cá cứ xách văng câu giăng ra cái cầu ván dưới bến sông. Nó buộc một đầu sợi nhợ vào cột cầu. Rồi cứ tuần tự, cái sau cái trước, nó móc mỗi trùn vào các lưới câu xếp hàng đều tắp trên mặt cầu. Đầu cuối sợi nhợ đã buộc sẵn một hòn gạch, lâu ngày mòn láng. Nó cầm hòn gạch, vứt nhẹ ra sông bằng một động tác thành thạo. Hòn gạch bay đi, kéo theo sợi nhợ, và các lưới câu tuần tự

kéo đàn bay theo, trông rất thích mắt. Coi vậy chớ, ném gạch câu giăng không dễ lắm đâu. Ném quá mạnh, các lưới câu giật phất sẽ quần rối vào nhau. Ném quá nhẹ, nhợ chùng lại, lưới câu bay ra không hết, cũng rối. Ném cao quá tầm không được, ném thấp sà xuống cũng không xong. Những lần đầu tôi ham, cứ giăng ném gạch. Nhưng nhiều lần, đường câu bị rối, Ba-sát-cá phải kéo vào sắp lại hết. Sắp lưới câu trên mặt cầu cũng phải khéo, sắp nhầm, dù có ném gạch đúng điệu, câu vẫn bị rối. Vàng câu ném ra sông xong rồi, Ba-sát-cá và tôi có thể trở vào nhà học bài, trèo ổi hay đá bong cũng được. Chừng một vài tiếng đồng hồ sau, chúng tôi lại ra kéo câu. Lưới câu kéo lên đến đâu, hể có cá thì gỡ, không có thì thay mới, sắp thứ tự trở lại; xong xuôi, lại vớt hòn gạch ra sông, để đấy, đi chơi.

Câu giăng thường được cá trèn, cá úc, cá chốt, cá bóng cát... Mỗi con vài ba ngón tay, đủ ăn một bữa. Người lớn câu giăng ngoài sông cái thì được cá lăng, cá leo, loại cá không vảy, to, dài, có khi được những con cá vài ba ki lô là thường. Cá lăng, cá leo (miền Bắc gọi là cá nheo) kho hay nấu canh chua đều ngon.

Cần câu nhấp là một đoạn trúc dài khoảng ba mét, chủ yếu để câu cá lóc (cá quả) dọc theo bờ những con rạch nhỏ hoặc mương vườn, ao đầm, những nơi mặt nước không được thoáng đãng, hoặc bị bèo che, cây vướng... Cá lóc to sống trong những ruộng lúa đã cấy xong, xanh mơn mớn. Ở đây thường có cá loại cá nhỏ như sặt bướm, hay các chú nhái bầu, bù-toọc (cũng là một loại nhái, to cỡ ngón tay cái)... là những thức ăn mà cá lóc ưa thích. Tuy nhiên, muốn câu loại cá lóc ấy thì phải vào ruộng, thường ở xa nhà dăm ba cây số. Ở các mương vườn, ở các rạch nhỏ cũng có cá lóc, đôi khi khá to, bằng cổ chân mấy đứa trẻ chúng tôi. Mà các mương vườn thì hay có lục bình (bèo Nhật Bản) mọc dày, hoặc vướng cây cối, còn ở các rạch nhỏ cũng vậy. Thế cho nên sinh ra cái cần câu nhấp. Bữa nào muốn đi câu nhấp thì từ tối hôm trước Ba-sát-cá và tôi đã đi bắt nhái. Thường vào các buổi tối trời vừa mới mưa xong. Ở ngoài vườn, nhái bầu rộ lên kêu nhóc nheng, và các chú ếch ương thì gân cổ

gào uềnh oàng inh ỏi. Ba-sát cá thấp cây đèn bánh ú (đèn dầu lửa bằng thiếc, hình chóp nón, giống cái bánh ú ở quê tôi), rồi đặt vào trong một cái lồng che kín xung quanh, chỉ chừa một mặt phía trước rọi sáng.

Đó là đèn soi, được dân vùng sông nước dùng vào nhiều việc: đèn soi để

bắt ếch, nhái; đèn soi để đơm cá, chém cá ban đêm ở trong đồng, ở dưới sông; đèn soi để đi thăm câu ngoài sông cái, v.v... Những đêm như vậy, các chú nhái bầu mát mình, ra bắt muỗi mát bay nằm dọc theo bờ mương bên những đám lục bình, nhiều chú lên ngồi trên các rễ cây măng cụt bò trôi trên mặt đất. Ba-sát-cá một tay soi đèn, một tay chop nhái. Tôi

đi sau cầm cái túi con con. Nó chộp được con nào, tôi đưa túi đến, miệng túi hé một lỗ nhỏ vừa đủ đút đầu con nhái vào. Chúng tôi đem cái túi đầy nhái về treo trên vách. Sáng hôm sau, Ba-sát-cá vác cần, tôi cầm túi nhái và mang giỏ theo sau. Cá lóc khỏe lắm. Câu được thì bỏ

vào giỏ, có nắp hom hần hoi, lơ mơ nó có thể phóng mất. Ba-sát-cá đi dọc mé rạch nhỏ. Đến một chỗ, cỏ ống bò lan trên mặt nước, che một vùng mát mẻ, yên tĩnh. Chỗ này có cá lóc đây. Ba-sát-cá móc nhái vào lưỡi câu, chọn thế đứng. Cá lóc khôn lắm, biết có người, nó không cắn câu. Ba-sát-cá khéo léo thả lưỡi câu trên những cọng cỏ. Rồi từ đó, nó nhấp cần nhẹ nhẹ. Con nhái theo bàn tay điều khiển cần câu nó nhảy lách chách trên mặt nước. Tôi có cảm giác con nhái ở đầu lưỡi câu của thằng Ba là một con nhái hoàn toàn tự do, thoải mái, đang nhảy từ cọng cỏ này sang cọng cỏ khác, những chỗ khoảng cách giữa hai cọng cỏ, con nhái như nhảy lẹ lên để tránh mọi nguy hiểm có thể chờ đợi nó. Bỗng

“bộp” một phát, chú cá lóc nẩy giờ phục sẵn, đón theo đường nhảy của chú nhái bầu khi qua quãng nước rộng, đã há cái miệng đầy răng sắc, đớp con mồi thật trúng. Tiếng cá lóc đớp mồi kêu rất to. Ban đêm, nằm ngủ, có thể nghe tiếng cá lóc đớp mồi trong vườn gần nhà. Và thế

là chú ta đã mắc câu của Ba-sát-cá. Nhiều lúc đi câu gặp mương vườn, chúng tôi bắt gặp một bầy cá ròng ròng (cá lóc con); những con nhỏ

bằng đầu đũa, màu hồng rùng rục như lửa, lợi loăng quăng; còn loại ròng ròng lớn hơn bằng ngón tay út thì da ngả màu xám đen, bơi lội diềm đặm hơn. Quanh đâu đây, dưới nước, mẹ của chúng đang ẩn nấp, bảo vệ đàn con, sẵn sàng đánh nhau với những con cá nào đến gần. Người ta

hay nói ròng ròng theo mẹ hay theo nạ là như vậy. Còn mấy chữ “gái nạ

dòng” để chỉ những người đàn bà có tuổi một chút và đã đẻ nhiều con, cũng xuất xứ từ hình ảnh này chăng? Tôi xui Ba-sát-cá nhắp con nạ ấy, nhưng nó gạt đi: “Cá nạ ốm nhách, đầu chò vờ, ăn không ngon. Bởi vì nó lo coi sóc đám con, không bỏ đi xa kiếm ăn thả cửa như cá khác được.

Với lại để nó giữ cho đàn con lớn mình mới có nhiều cá mà câu. Câu nạ

này thì lũ con kia coi như chết hết.”. Ba-sát-cá nói phải. Tuy nhiên, có người cũng quá tệ, bắt luôn cả mẹ lẫn con. Họ bắt cá ròng ròng bằng rổ xúc, cái rổ to hai vòng ôm của chúng tôi. Họ mang rổ lội dưới rạch đến những bãi lục bình hay bãi cỏ ống mọc chĩa ra rạch mà xúc, được khá nhiều cá nhỏ, nhất là tôm đất. Những đám cá ròng ròng thế này khó mà thoát khỏi cái rổ xúc. Những người đi xúc có khi mang cá ròng ròng ra chợ bán. Thật đáng tội chứ cá ròng ròng ăn ngon lắm. Cá ròng ròng kho thì ăn cơm quên thôi, cứ một con vừa một miếng và. Thường thường, một buổi sáng đi câu nhắp, Ba-sát-cá kiếm được dăm bảy con. Còn tôi thế nào cũng được nó chia phần vài con cá. Về sau tôi cũng làm cần, cũng đi câu nhắp, nhưng luôn luôn câu được ít hơn nó. Đó là điều tự

nhiên, vì tôi không “sát cá” bằng nó.

06. Vô đồng câu cầm, câu rê

Thỉnh thỉnh Ba-sát-cá được tía má nó bảo vào chòi ruộng ngủ để trông nom ruộng, thường vào ngày thứ bảy, chủ nhật hay những ngày nghỉ học.

Những lần như vậy thế nào nó cũng sang nhà tôi, xin phép má tôi cho tôi cùng đi, và thế nào nó cũng mang đồ nghề theo bắt cá. Khoảng xế

chiều, ăn xong một bụng cơm, Ba-sát-cá và tôi mang đồ nghề xuống xuống, bơi loanh quanh theo con rạch nhỏ chừng bốn, năm cây số là thấy chòi ruộng của nó nằm bên bờ rạch. Việc đầu tiên chúng tôi làm là đi kiểm vài con cá lóc để tối nấu cháo ăn chơi. Ba-sát-cá vác cần câu rê lên vai. Chúng tôi theo bờ ruộng đi sâu vào đồng. Ruộng đất quê tôi, như người thường nói, cò bay thẳng cánh. Đứng ở đây, chỉ nhìn thấy rặng vườn ôm theo con rạch phái bên kia xa. Có lần, mùa khô, chúng tôi đã thử đi chơi, mất một buổi sang mới đến bìa vườn bên đó. Mùa này lúa cấy đã xong, đang phát lên xanh mơn. Lúa cấy ngay hàng thẳng lối mà không cần chằng dây. Không biết từ thuở nào cấy thẳng hàng đã là tập quán, cứ một hàng ngang bốn khóm, người cấy cù vậy mà cầm thẳng tắp.

Nước ruộng ngập gần đến gối chúng tôi. Các loại cá đồng tha hồ sống vì thức ăn sẵn lăm. Đặc biệt là cá lóc, rất nhiều, to con. Ba-sát-cá đã lựa và chặt ra trong bụi tầm vông trước nhà nó, rồi gom lá cây, đốt một đồng lửa, uốn cây tầm vông cho cong theo đúng ý muốn. Phía dưới gốc, nó gắn vào một chỗ cây cong, hình cung, cạo gọt láng mượt. Cái chạc này nó tì vào bắp đùi, làm chỗ tựa giữ chiếc cần câu dài nghêu ầy, nếu không, ai mà cầm giờ lên hoài cho được. Trên đường ra đây, nó

đã chộp mấy con nhái nằm theo bờ ruộng, lặn vào thắt lưng, bây giờ nó chỉ việc lấy ra móc vào lưỡi câu. Lưỡi câu rê bằng kèo dù (thép làm nan đỡ tấm vải để căng dù/ô) do nó uốn lấy, bởi vì lưỡi câu bán ở chợ

thường không chịu nổi sức căng rất khỏe và dữ tợn của những chú cá lóc to, hay cong hoác ra, sảy cá. Lưỡi câu rê bằng thép kéo dù thì tốt nhất, không còn thứ nào hơn. Móc xong con nhái vào lưỡi

câu, nó lấy một cọng cỏ nhỏ như cái tăm chống từ chót lưỡi câu, chỗ mũi nhọn nhất, lên đến cái mấu chỗ tóm lưỡi câu vào sợi nhợ. Nó nói: “Để khi mình rê, lưỡi câu nhọn bén không móc vào cỏ, vào lúa”. Sửa soạn xong xuôi, nó chống cần vào đùi, tay trái đỡ cần, tay phải cầm sợi nhợ có lưỡi câu đã móc mồi, quay tròn tít lên lấy đà rồi ném vọt ra thật xa trong ruộng lúa, đồng thời hạ ngọn cần câu thật thấp. Chiều dài cần câu cộng với chiều dài sợi nhợ có đến cả chục mét. Rồi nó từ từ nâng ngọn câu lên, vừa nâng vừa giật nhẹ. Nó rê con mồi trên mặt nước giữa hai hàng lúa, nên con nhái đã chết vẫn cứ nhảy lách chách như con nhái sống.

Khi con mồi đến gần, nó nâng mạnh ngọn câu, con mồi lại bay lên, vào tay nó. Cứ thế, nó lại quay lưỡi câu, lại ném, lại rê ở một đường lúa khác. Tôi đứng xem, và chẳng phải chờ lâu. Ba-sát-cá tài ở chỗ cứ đứng nhìn ruộng lúa, nó biết chỗ nào có cá đang nằm, có khi là chỗ cỏ rậm, có khi là chỗ lúa cao, có khi là chỗ nước sâu... Nó bày hết cho tôi.

Nhưng cái nghề này nó linh động, biến hóa lắm, chỉ có thể đoán nhận, dự cảm, chứ không thể cắt nghĩa rạch ròi được. Đúng vậy. Tôi nghe

“xoảng!” một cái như hai lưỡi kiếm va vào nhau. Nghe tiếng đóp cũng biết được con cá rất to vì rằng nó to và sắc như dao vậy. Ba-sát-cá

giật mạnh. Trong ruộng lúa, tiếng quẫy đùng đùng. Mắc câu rồi, cá to quá! Ba-sát-cá ngã ngửa người, ra sức kéo lưỡi câu. Con cá vòng cả

thân mình ôm chặt bụi lúa. Tôi thấy bụi lúa xanh đảo qua đảo lại lia lịa. Nó đang quệt mồm vào gốc lúa tháo lưỡi câu. Ghê chưa! Nhưng Ba-sát-cá đâu phải tay vừa. Nó đứng yên, giữ cho thẳng nhợ câu, không để chùng xuống. Thằng Ba và con cá, hai đứa đang độ sức và độ cả mưu trí. Một lúc, con cá vừa mệt, vừa đau, nằm im. Ba-sát-cá biết ý chùng bớt nhợ câu. Con cá thấy sức giật ở mồm giảm xuống, lắc đầu nhẹ nhẹ

thăm dò. Mấy cái lá lúa rung động. Thằng Ba chùng thêm nhợ xuống. Anh chàng cá thấy sức ép bỗng giảm đột ngột, tưởng có thể

thoát, vội nhào người ra khỏi bụi lúa, phóng chạy. Ba-sát-cá chỉ chờ có vậy. Nó giật cần thật mạnh, giật ngược con cá lên không. Anh chàng cá to như cổ

chân tôi bay là là trên ngọn lúa, vùng vẫy dữ tợn. Thằng Ba cứ kéo lết nó vào. Con cá vừa lên bờ, thằng Ba nhanh nhẹn quăng cần, đề cả người lên, hai tay chặn ngang cổ nó. Con cá chịu phép, chỉ còn ve vẩy cái đuôi. Thằng Ba thọc mấy ngón tay vào mang cá, đề chặt rồi khéo léo tháo lưới câu ra. Rằng anh chàng cá này chồm chồm, to, sắc, nó mà đớp, khéo đứt cả lóng tay. Bỏ cá vào giỏ xong, Ba-sát-cá giờ tay quệt mồ

hôi trán, héch mui nhìn tôi cười. Xong xuôi, nó lại móc mồi, ném câu, tiếp tục những đường rê mới.

Trong khi Ba-sát-cá câu rê, tôi lúi húi đi bắt nhái và mở bó câu cắm ra. Câu cắm là những thanh tre vót cong, có khi là ngọn trúc, cành tre để cắm theo bờ ruộng, có khi là hai đoạn sậy giăng một sợi nhợ ngang,

buộc vài lưới câu để cắm giữa ruộng lúa. Cắm xong cứ bỏ đấy, dăm ba tiếng đồng hồ sau đi thăm một lần, gỡ cá mắc câu và thay mồi mới. Mồi câu là mồi sống (hay mồi chạy), tức là những con nhái còn sống, lưới câu móc lưng để cho nó chạy trên mặt nước, dụ cá lóc đến. Cũng có khi mồi ấy là con cá sặt bướm nhỏ cỡ một hai ngón tay, cạnh đuôi phớt hồng, có một vài chấm đen tròn phía gần đuôi. Ba-sát-cá đã chỉ cho tôi cách bắt cá sặt bướm bằng đó hay bằng lò. Lò được làm bằng những cọng tre vót nhỏ như tăm, đan lại thành tấm, rồi cuộn tròn, một đầu bịt lại, đầu kia đặt hom để cho cá vào được mà không ra được. Cũng có loại lò bốn mặt, hình ngôi sao bốn cánh, có bốn hom, bắt được nhiều cá hơn.

Ba-sát-cá thường đặt lò ở những chỗ đầu bờ, tạo một đường nước chảy từ

ruộng này sang ruộng kia, theo thói quen lũ cá sặt hay qua lại. Những con cá vào lò rồi, không ra được; những con bên ngoài nhìn thấy tưởng trong ấy “vui vẻ”, có nhiều thức ăn, lại bầu đến, bơi loanh quanh rồi cũng chui tiếp vào. Vì vậy mà có câu: “Cá trong lò đã khờ con mắt. Cá ngoài lò lúc lắc muốn vô”. Vùng sông nước đồng bằng

Cửu Long có nhiều ca dao, thành ngữ gắn với cá tôm và các cách đánh bắt. Ví dụ như:

“Trách ai ham đó bỏ đăng. Ham lê quên lựu, ham trắng quên đèn”. Hoặc là: “Anh đau, đắp chiếu trùm mền. Em mua tép bạc nấu canh rau dền anh ăn”. Hay như: “Câu tôm ngủ gục, anh hột con tôm càng. Phải chi vớt trứng, anh mua vàng em đeo”.

Tôi cắm xong bó cần câu thì trời cũng vừa chạng vạng tối. Thằng Ba đã câu thêm được hai con cá nữa. Lúc này là lúc cá hay ăn mồi. Chẳng thế

mà những người đánh bắt cá có câu: “Nhất chạng vạng, nhì rạng đông”.

Chúng tôi trở về chòi. Nghỉ ngơi một chút, Ba-sát-cá bảo tôi: “Mày lấy ít gạo, bắc cái nồi kia lên. Tao đi làm cá, rồi mình nấu cháo...” Tôi hào hứng làm ngay, trong khi thằng Ba mở hom giỏ, lôi ra con cá lóc to nhất. Nó nói:

- Hai con kia đem rộng (nhốt trong nước cho khỏi chết), để mai mang về nhà.

Tôi bảo:

- Ăn con nhỏ thôi. Con lớn để má mày bán.

Nó lắc đầu:

- Tía tao nói người làm ra cá được phép ăn cá ngon nhất. Với lại bữa nay có mày, tao muốn đãi mày.

Về sau tôi mới biết: không phải chỉ có tía thằng Ba mới rộng bụng như

vậy, mà đó là cái luật của những người làm tôm cá. Sau này, có dịp theo người làm đáy, người đánh cá biển...tôi thấy họ đều theo cái luật này. Chẳng biết cái luật này hay dở tới mức nào, có điều nó thành một cá tính của thằng Ba, của những người lao động quê tôi. Có lẽ nó góp phần vào cái tài “sát cá” của thằng Ba chăng?

Vào khoảng chín giờ đêm hôm đó, chúng tôi đi thăm câu lần đầu. Trời có trăng; Chúng tôi không phải thắp đèn. Ban chiều, tôi cắm câu, vậy mà bây giờ tôi không nhớ tôi đã cắm những cần câu ở đâu nữa. Ba-sát-cá thì trái lại. Nó chỉ đi kiểm tra các cần câu một vòng

lúc trời sập tối, thế mà nó nhớ hết. Những cần câu cắm mép bờ dù dao cũng dễ tìm ra, nhờ có cái bờ. Thằng hoặc có cần bị cá lôi đi, nó cũng nhớ mà tìm ra. Còn những cần cắm giữa ruộng lúa mới khó tìm. Trăng sáng lơ mờ, những hang lúa chạy dọc, đen đen, biết đâu mà kiếm. Ba-sát-cá bảo tôi:

- Mày mọp xuống. Tầm mắt ngang ngọn lúa thì sẽ thấy.

Ờ, há! Nó nói như ý. Nghiêng đầu sát ngọn lúa, tôi nhìn thấy những đoạn sậy chìa lên dáng đen lơ mờ, cao cao trên nền trời trắng nhạt.

Đi một vòng, trở về chúng tôi được ngót chục con cá nữa. Thằng Ba đeo cái giỏ xệ vai. Trước khi đi ngủ, chúng tôi mang cháo cá ra ăn. Cháo cá lóc nấu như, rửa hết xương bỏ ra rồi, nêm chút nước mắm nhĩ (nước mắm cốt, vừa rỉ ra từ thùng làm nước mắm), rắc chút tiêu mà thằng Ba đã mang theo, ngon ời là ngon! Nhứt là sau khi đi thăm câu ngoài ruộng về, đang đói lại lạnh nữa. Thằng Ba gấp cho tôi cái ruột cá lóc. Nó nói:

- Mày ăn coi. Ngon nhứt trong con cá lóc.

Cái dạ dày cá lóc mà thằng Ba gọi là cái “tù và” ăn giòn rụm lại ngọt.

Còn đùm ruột thì mềm và béo cách lạ! Tôi xẻ đôi, chia với nó. Nó nói:

- Ở đây xa vườn. Nếu ở gần, mình kiếm trái dừa, lấy nước cốt cho vào thì ngon “ác” nữa.

Húp bát cháo đầu tiên, tôi toát mồ hôi trán, người khoan khoái, các bắp thịt như thư giãn ra. Thật tình, tôi biết Ba-sát-cá rất thảo với bạn bè và rất yêu thương bố mẹ. Bao nhiêu cá câu được, nó đều đem về, phần nào ăn thì ăn, còn đâu nó bảo má nó đem bán, mua gạo, may áo và mua sách vở cho anh em nó. Có một lần tôi sang chơi, thấy má nó bị

cảm. Nó nấu cho má nó một nồi xông, sau đó thì nấu một tô cháo cá ăm.

Nó bắt con cá lóc to nhứt làm xong rút hết xương, xắt từng miếng mỏng bỏ vô cái tô đã có nhiều gừng thái chỉ với nước mắm ngon.

Cháo trắng nấu nhừ, đang lúc sôi nó múc đổ vào bát. Những lát cá lóc từ màu trắng trong, ánh vân xanh đỏ chuyển sang màu trắng đục như sữa và cong lên nhìn thấy đã ngon. Ăn xong tô cháo cá ám, má nó toát hết mồ hôi và cười nói: “Má thấy nhẹ người rồi”. Đó cũng là một đặc tính khác của thằng Ba. Quê tôi có câu: “Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi. Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già”. Có lẽ câu hát quê tôi cũng góp phần vào cái tài “sát cá” của thằng Ba chẳng?

07. Câu không có cần

Nếu hiểu theo cách nào đó thì câu giăng cũng là loại câu không có cần.

Nhưng đó chỉ là những lưới câu móc mồi vào, bỏ xuống sông, cá ăn thì gỡ. Còn nếu hiểu “câu” là bàn tay mình trực tiếp điều khiển lưới câu, khi cá cắn giật lên bắt, thì câu lươn mới chính là loại câu không có cần.

Có nhiều cách bắt lươn, chủ yếu là đặt trúm. Trúm là một ống tre, thường cắt dài hai đốt, thừa thãi cho một chú lươn to nằm. Một đầu trúm là mắt tre kín, còn đầu kia để ngỏ, tra một cái hom. Tất nhiên là mắt tre trong lòng trúm phải đục bỏ để ống trúm thông từ miệng tới đáy.

Ba-sát-cá và tôi nhiều lần cũng đi đặt trúm bắt lươn. Chúng tôi đặt mồi vào miệng trúm. Mồi thường là cá sặc để lươn, trộn cám, nấu chín.

Lươn thích ăn mồi thối. Mồi gói lá môn, giắt phía trong hom để nhử

lươn chứ không cho lươn ăn. Như vậy mỗi ống trúm có khi vài ba con lươn chui vào. Trúm có thể đặt ở ruộng, nhưng ở ruộng thường chỉ có lươn bé. Lươn trong đồng mới to, nhiều con bằng cổ tay chúng tôi.

Đi dỡ trúm thích nhất là khi nhấc ống lên, dốc đáy xuống con lươn rơi đánh bịch một phát vào mắt tre. Khi không nghe tiếng lươn rơi nhưng ống nặng trĩu, ở lỗ thông hơi chảy ra một ít nước có lẫn nhớt thì ống trúm ấy đã đầy lươn. Còn lúc nào nhấc ống lên, nước ruộng theo lỗ

thông hơi chảy ra tong tổng thì đó là ống trúm rỗng không.

Câu lươn có cái thích khác mà trẻ con chúng tôi hay làm. Bởi vì đi đặt trúm mất thời giờ, vả lại muốn làm ống trúm thì phải có tre, có xuống chuyên chở vào đồng... Đàng này chỉ cần một sợi nhợ và cái lưới câu, còn thời giờ của trẻ con thì tha hồ. Ba-sát-cá làm cho tôi “cần” câu lươn bằng sợi nhợ khá to, to hơn nhợ câu rê. Một đầu nhợ

là lưới câu, còn đầu kia, miếng gỗ nhỏ để nắm mà kéo... Tất cả có thể nằm gọn trong lòng bàn tay.

Khi lúa trên đồng đã gặt xong, nước đã rút hết, mặt ruộng ướt lép nhép, không còn chỗ đặt trúm hay câu cá, thì đó là lúc chúng tôi dỡ đồ

nghe câu lươn ra. Ba-sát-cá dắt tôi dắt tôi đi men theo bờ mương hay bờ lạch nhỏ trong đồng, lúc này cũng chỉ còn một ít nước. Chân bước trên bùn nhưng đôi mắt nó chăm chú dò tìm hang lươn. Trên mặt bùn của đáy mương có rất nhiều hang, phải biết phân biệt hang lươn và hang các con khác. Thấy hang lươn rồi, còn phải quan sát xem hang có mà hay không có mà. Mà là loại bùn nhão ướt nước trào ra một ít quanh miệng hang, do lươn đùn lên hay ban đêm lươn đi kiếm ăn, sáng ra trở về, chui vào hang còn để lại dấu vết mới mẻ. Gặp một hang lươn có mà còn mới, Ba-sát-cá quay lại héch cái mũi, nheo mắt chỉ cho tôi xem. Nó dỡ

đồ câu ra, móc mũi vào lưới câu. Nó lấy dao nhỏ cắt một đoạn sậy hay ống cỏ mọc gần đó, cắm vào mũi nhọn lưới câu. Nó dùng đoạn sậy ấy đút lưới câu đút lưới câu vào miệng hang, từ từ, nhẹ nhàng. Đoạn sậy trở

thành cần câu. Nhưng cần câu không buộc ở cuối sợi nhợ mà gắn vào lưới

câu. Cần câu không để giật mà để đẩy mũi tới miệng con lươn. Một tay cầm ống sậy, một tay giữ sợi nhợ, hai tay phối hợp nhịp nhàng, nó đẩy xuống, rút lên miếng mũi, nhử con lươn. Có tiếng lươn chép miệng dưới bùn. Nó nhìn tôi, nhếch mép cười đắc ý. Bỗng sợi nhợ bị rút mạnh.

Nhanh như cắt, Ba-sát-cá rút đoạn sậy vứt đi, tay kia nó cũng giật mạnh. Con lươn trì lại. Ba-sát-cá kéo lên. Nó giữ chặt trong mấy ngón tay cái mẫu gỗ buộc đầu sợi nhợ và ra sức kéo. Một tiếng “ó... o...t” lớn, rồi nước bùn dềnh lên, trào ra miệng hang, đồng thời con lươn cũng bị

lôi khỏi lỗ. Ba-sát-cá xách con lươn giơ cao, mang nhanh lên bờ. Con lươn to như ngón chân cái người lớn, dài gần bằng cánh tay

tôi, giã giũa loãng ngoẵng. Tôi phụ với nó, nhét đuôi con lươn vào cái hom giỏ.

Tôi vuốt bùn bám, con lươn lộ ra mảng da nhót bóng, vàng nghệ.

Ba-sát-cá gỡ lưối câu. Giống lươn phàm ăn. Câu mắc vào khó gỡ. hai chúng tôi phải loay hoay mất một lúc mới xong.

Lươn nghệ thịt mềm và béo hơn lươn trắng. Lại còn có loại lươn bông, da xám xám, mồi trắng loang lổ. lươn làm được nhiều món ăn “cao cấp”: lươn om nước dừa, lươn rút xương nhồi thịt, lẩu lươn... Đó là các món ăn bán ở nhà hàng “đặc sản” Sài Gòn, ngon nổi tiếng. Lươn cũng rất có giá trị trên thị trường thế giới. Thịt nó ngon, bổ, nhiều chất dinh dưỡng.

Nước ta và một số nước trên thế giới có lươn sống xuất khẩu cho thị

trường Hồng Kông, bán rất được giá.

Còn tôi, tôi không thể nào quên món canh chua lươn nấu trái giác, thứ

trái của một loại dây leo sống ở vùng nước mặn U Minh, có rất nhiều trong rừng đước U Minh, mà tôi đã ăn hoài những ngày kháng chiến chống Pháp.

Nói đến loại câu không có cần, tôi không thể nào không nhắc lại với các bạn nhỏ một thứ “câu” chẳng những không có cần mà còn không có nhợ

và không có lưối câu nữa. Nói đúng hơn, đây là một trò chơi nghịch của trẻ con, song cũng được nhiều cá, cá to hẫ hoi. Tôi có một ông cậu ở

vùng trên, phía sông Tiền. Vùng này người ta hay đào ao nuôi cá tra, vá vồ. Đó là loại cá không vảy, thịt ngon, béo, kho hay chiên đều ngon, đặc biệt nấu canh chua thì rất tuyệt. Ao cá thường đào phía sau nhà, có cầu rửa bát, bên trên làm giàn trồng bầu, trồng mướp, vừa có trái ăn, vừa che mát ao cá. Hoa mướp vàng nở ra thật đẹp, thu hút đám ong bầu. Ong bầu to khoảng ngón tay cái, mình xanh biếc đầy long và có một ngấn vàng rất đẹp chạy quanh bụng. Ong

bầu sống riêng từng con, không sống thành đàn như ong mật. Ong bầu khoét lỗ, làm tổ trong ống tre giàn bầu. Trẻ con chúng tôi tìm một cái chai không, áp miệng chai vào lỗ tổ ong, rồi cầm thanh củi gõ mạnh. Ong bầu nghe động chạy ra, chui tọt vào chai. Chúng tôi bịt miệng chai, lừa bắt ong bầu ra rồi rút cánh vứt xuống ao. Cá tra quen lệ lên đớp mồi, liền bị ong bầu chích. Ong bầu chích đau lắm, sưng cả tay. Chú cá bị ong bầu chích đau, lặn lộn trên mặt nước, vừa ngáp vừa phơ bụng trắng hếu. Chúng tôi lấy rổ vớt cá lên, thế là được một bữa cá nấu canh chua, “câu”

bằng cái trò nghịch với chú ong bầu. Tất nhiên, chúng tôi bị rầy và

không bao giờ dám tái diễn kiểu câu “không nhợ không cần” ấy nữa.

Đi câu là một thú vui đặc biệt thích hợp với tuổi nhỏ, cho nên tôi kể

những chuyện đi câu để các bạn nghe. Chứ ở vùng sông nước quê tôi, còn nhiều cách bắt cá tôm khác, một lúc được rất nhiều. Tôi sẽ kể

qua một vài cách mà Ba-sát-cá và tôi lúc đó có thể làm được. Các bạn có thích nghe nữa không?

08. Chắt chà xuống, dỡ chà lên

Đi xuống dọc theo con rạch quê tôi, thỉnh thoảng sẽ bắt gặp những đồng cành cây khô chắt dưới nước, cặp theo bờ. Có những đồng dài và rộng hàng chục mét vuông. Đó là những đồng chà. Dưới bến nước nước nhà tôi, sau này, cha tôi cũng cho chắt một đồng chà, phần lớn là những nhánh xoài, nhánh ổi, đốn từ các cây đã già cỗi, hết trái, có khi là những nhánh cây trứng cá. Ở bến nước nhà Ba-sát-cá, cũng có một cây trứng cá. Cây trứng cá to, cao, lá ram ráp, lá non có lông tơ và dinh dính như mật, đặc biệt trái của nó tròn như hòn bi, lúc chín có màu vàng hay đỏ, mọng căng, bong mở, trong ruột bọc vô số trứng nhỏ li ti, vàng ong, y như trứng cá lóc, ăn ngọt lạ. Ở quê tôi, cây trứng cá còn được gọi là cây mộc sim. Ba-sát-cá và tôi sáng nào cũng dậy sớm, trèo cây hái trái chín. Khi buồn tay thì mang cần câu ra, ngồi trên nhánh trứng cá gieo ra phía đồng chà mà câu. Câu cạnh đồng chà được nhiều cá, vì đây là nơi cá thích đến trú ngụ. Chắt chà cũng để dụ cá đến ở cho đông.

Cứ độ dăm ba tháng nhà tôi dỡ chà một lần. Muốn dỡ chà, phải chọn ngày, chọn nước. Thường chọn ngày nước ròng sát để dễ bắt cá, và chọn cỡ nước ròng vào buổi sáng (ở quê tôi, mỗi ngày nước lớn và nước ròng hai lượt, theo chế độ bán nhật triều). Mỗi lần như vậy, ba tôi hay rủ

tía thằng Ba và một vài người hàng xóm. Tất nhiên, Ba-sát-cá và tôi cũng được tham gia.

Khi gà gáy sáng, nước đã lớn đầy sông, Ba-sát-cá gọi tôi dậy. Hai đứa vào bếp lui sui rang cám, xong mang xuống bến, bôi xuống nhè nhẹ ra rắc cám vào giữa đồng chà. Có khi, chúng tôi còn rắc cơm nguội hay những thức ăn thừa và một số mồi khác như bỏ vô chà một ôm lá cứt quạ

hay ít trái cây chín ửng để dụ thêm cá tới. Trong khi đó, người lớn sửa soạn khuôn những cuộn đăng ra sông. Đăng là một tấm chắn cá làm bằng những cuộn tre vót, tròn cỡ ngón tay út (đăng vùng quê tôi), hay bằng sống lá dừa nước chẻ phơi khô, hoặc những cây sậy (đăng vùng nước lợ, nước mặn). Đăng có nhiều cỡ, thích hợp với

từng mực nước. Ở trong bờ thì đăng thấp, cao ngang đầu chúng tôi. Phía ngoài rạch thì đăng cao, có khi quá đầu người lớn một vớ tay. Những nan đăng được đan lại với nhau thành tấm dài năm, ba mét bằng một thứ dây gọi là dây choại.

Đó là thứ dây bò, tròn cỡ ngón tay út, dài năm bảy mét. Dây choại mọc nhiều ở vùng rừng U Minh, Cà Mau, Rạch Giá. Khi phơi khô, dây quắt lại, vỏ hơi bong, màu vàng ngả sang màu đỏ, đặc biệt dây này rất chắc khi gặp nước và rất bền khi ngâm trong nước, kể cả nước mặn. Người ta xuống rừng U Minh bứt dây choại, phơi khô, bó lại thành lọn, rồi chờ

ghe đem bán khắp miền sông nước để bện đăng. Ở vùng quê có nhiều mương, lạch nhỏ này, người ta hay dùng đăng chắn các cửa lạch, cửa mương; nước lớn thì để tôm cá vô mương, nước ròng thì chắn lại rồi bắt, gọi là đăng mương.

Việc rải đăng bao quanh đồng chà dưới rạch là việc của người lớn. Tôi

và Ba-sát-cá chỉ ở trên bờ cầm đèn soi hoặc đứng xem, sau này lớn lên biết cách mà làm. Mấy anh thanh niên vác những cuộn đăng lội nhè nhẹ

xuống nước. Ba tôi và tía thằng Ba dùng lạt tre buộc đăng vào những cái cọc đã cắm sẵn theo rìa đồng chà. Mấy anh bắt đầu rải đăng. Việc này cũng nặng và khó, vì đầu những nan tre sục xuống bùn cho tấm đăng đứng thẳng và không cho mấy chú cá khôn có thể dò ra, rúc xuống để

thoát ra ngoài. Khó nhất là chỗ tiếp giáp giữa hai mép đăng, phải lấy ghim tre gài chặt, nếu không, cá chui ra mất hết. Thường thì tía thằng Ba phải lặn xuống, kiểm tra lại thật kỹ công việc ghép mép đăng của mấy anh thanh niên.

Trời vừa rạng sáng, đăng quay đã xong. Nước sông đứng lại và bắt đầu rút ròng. Hai ông già yếu chịu lạnh đã lên bờ ngồi, khoác chiếc khăn rằn lên vai, vắn thuốc hút. Ba-sát-cá rủ tôi đi chặt mấy tàu dừa bỏ

lên xuống, trong khi các anh thanh niên bắt đầu dỡ những nhánh chà ném lên bờ. Khi chúng tôi quay trở lại thì đồng chà đã dỡ gần

xong, nước đã rút xuống thấp, bày bãi. Lũ cá trong vòng vây đã cảm thấy nguy cơ

sắp đến gần. Bỗng “rẹt” một phát, một chú cá chạy to bằng cổ tay quẫy nước, tung mình vút lên cao, vượt khỏi mặt đặng ngoài sông. Tôi giật mình kêu lên, tiếc rẻ. Nhưng Ba-sát-cá đã kịp thời quạt mái giằm lướt xuống tới. Con cá rơi vừa đúng giữa xuống, kêu đánh bộp một phát. Chắc nó tức lắm vì đã lao một đường cong tuyệt đẹp như vậy mà không thoát.

Nó vật mình, đập đuôi vào ván xuống, tung người lên nữa. Nhưng không được, vì tàu dừa Ba-sát-cá vừa chặt bỏ lên xuống đã cản nó lại. Liên

tiếp sau đó, mấy chú cá chày nữa lại nhảy vọt qua đặng. Mấy con đều to, vảy lấp lánh bạc, đuôi ửng hồng và mắt thì đỏ. Nếu so chiều cao từ

mặt nước đến ngọn tấm đặng với chiều dài thân mình con cá thì gấp hơn mười lần. Thế mà chúng vẫn nhảy qua, như người nhảy sào mà chẳng cần sào vậy. Chúng rơi lộp bộp xuống khoang xuống của Ba-sát-cá và khoang xuống của tôi. Tôi cứ quýnh lên. Vút một phát nữa. Con cá này khỏe quá, phóng luôn từ vòng vây bên trong, vượt qua đầu đặng, bay tuốt và rơi khỏi xuống của tôi đánh tùm vào rạch. Thôi, nó thoát rồi. Tôi kêu ré lên, quơ tay vào không định chớp lấy nó. Nhưng làm sao được. Tôi mất đà, phải bấu lấy tấm đặng, gượng lại. Đúng lúc đó, một loạt cá nữa lại phóng lên, vút qua đầu tôi. Tôi càng thêm luýnh quýnh. Ba-sát-cá kêu lên:

- Đứng la! Đứng yên! Con nào sảy kệ nó. Mà làm động, cá phóng tủa xua, thấy không?

Tôi bình tĩnh lại. Nhìn thẳng Ba, tôi thấy nó đang chúí mặt vào kẽ đặng ngó xuống phía trong. Nếu có cá phóng về hướng nó, nó ngược mắt lên và chình ngay xuống để hứng, ít khi để sảy. Tôi bắt chước làm theo.

Nước đã ròng sát. Các nhánh chà đã vút hết lên bờ. Lũ cá thôi không nhảy nữa. Từ bên trên, má tôi đưa xuống cái rỏ xúc để các anh xúc cá.

Ồi chao, nhiều cá quá, nhất là cá chày, cá rô biển, rô phi. Cũng có

một vài con cá trà vinh và cá he vàng loại to nữa. Tôm cũng nhiều. Rồi đến cá bống cát, cá lóc...

Ba-sát-cá và tôi hết nhiệm vụ, cặp xuống vào cầu, cởi áo quần, tuôn xuống bắt cá với các anh.

Trong vòng đặng, nước bùn nổi lên đục ngầu song vẫn có thể nhìn thấy những cái đầu cá nổi lúc lắc trên mặt nước, những cái miệng há ra hớp hớp rồi lại thụt xuống, những chiếc râu tôm quờ qua quờ lại. Đi trong nước, chạm vào tôm cá lia lịa. Thỉnh thoảng những con cá chạy hoảng phóng cả vào đuôi, vào hông trần của chúng tôi. Để cho các anh xúc hết cá nổi, chúng tôi mò cá chìm. Thường là những chú cá lóc, cá bống to, trốn dưới những dấu chân, thụt sâu xuống bùn. Lũ cá này không bị sặc bùn như lũ cá trắng (cá có vảy trắng); chúng rúc sâu, nằm nín thít, phục mãi cho đến lúc người ta tháo đặng ra, thế là thoát. Chúng tôi đi, mò từng bước, tay thụt xuống bùn, từ đầu đặng này đến đầu đặng kia, rồi quay lại, cứ thế mà mò, nắn nắn. Nó trơn nhớt. Tôi mò tiếp.

Bống dùng một phát, con cá vọt mạnh tới trước, lủi mất. Tôi la lên:

- Úi trời! Con cá bự quá!

Ba-sát-cá vọt tới:

- Để tao! Để tao!

Nó nhìn vệt nước bùn vừa bị khuấy, dò theo tìm vết con cá. Bống nó ngồi thụp xuống nước, hai tay chụm lại, mò. Tôi nhìn nét mặt nó. Mũi nó héch lên trời, mắt liếc xéo lên, nhưng tinh thần trong mắt lại dồn xuống hai bàn tay dưới nước. Nó từ từ nâng hai tay lên và nói:

- Được rồi!

Khi hai tay nó đưa khỏi mặt nước, tôi thấy đầu con cá dính đầy bùn và to gần bằng đầu gối của tôi. Cũng lúc đó, con cá quẫy một phát thật mạnh, vung ra khỏi tay thẳng Ba, mặc dù nó đã bị thẳng Ba

móc chặt hai mang. Thằng Ba loạng choạng nhưng vẫn còn phản ứng kịp bằng cách hất con cá văng tuốt lên bãi bùn.

Con cá trườn mình, rạch xuống, nhưng hai đứa chúng tôi đã nhào theo, dùng tay hất ngược nó lên bờ. Đến gần bờ, thằng Ba đưa hai tay hốt, ôm luôn con cá vô ngực như bế một đứa bé rồi ù té chạy tuốt lên. Khi con cá vùng được ra thì nó rơi phịch xuống đất. Con cá bong (giống như các lóc nhưng vảy có nhiều sọc đen sẫm) to hơn một kí. Thằng Ba tóm chặt mang, bỏ con cá vào cái giỏ cao miệng, thế là xong.

Chúng tôi lại quay xuống mò tiếp. Đang mò, tôi bỗng thấy nhói một phát ở ngón tay trái. Úi cha! Thôi chết rồi, một con cá nào đó trong khi chạy hoảng để thoát thân đã giương ngạnh đâm vào ngón trỏ của tôi. Tôi

khoảng nước rửa qua loa rồi đưa tay lên miệng mút. Một ít máu rịn ra ở

đầu ngón tay. Tôi kêu lên:

- Ê, Ba ơi! Tao bị cá đâm rồi! Đau quá!

Ba- sát- cá quay đầu lại nhìn tôi. Thấy ngón tay tôi có máu đo đỏ, nó liền bảo:

- Rờ cu!

Tôi không hiểu, cứ tròn mắt nhìn nó. Nó vừa làm động tác mẫu, cặp chặt bàn tay vào giữa hai đùi cho tôi bắt chước làm theo, vừa nói:

- Như phồng tay thì rờ vào dái tai vậy mà... Nhẹ đau liền...

Tôi hiểu ra, liền làm theo nó. Ờ há! Đỡ đau thiệt! Tôi tủm tỉm cười hoài...

Cũng lúc đó, một anh thanh niên la lên:

- A! Cá bóng tượng đây rồi!

Tất cả mọi người đều vui mừng, đổ xô lại xem. Con cá này khá to, bằng bắp chuối của tôi. Tía thằng Ba nói:

- Còn một con nữa, kiếm kỹ coi.

Quả nhiên, một lúc sau, con cá bóng tượng thứ hai đã bị bắt.

Nước đã đứng. Tôm cá trong đăng cũng đã bắt hết. Tía thằng Ba bảo tháo đăng. Mấy anh thanh niên, người thì giặt đăng rồi vác lên rải ra sân phơi, người thì đi rửa cá, lựa cá...

Mỗi lần dỡ chà như vậy thường được trên dưới một tạ cá. Nhưng điều mọi người quan tâm là có bắt được cá bóng tượng hay không. Đây cũng là một loại cá “đặc sản” của quê tôi, và hình như cũng chỉ có chất chà mới bắt được. Cá bóng tượng hay đi cặp. Thường mỗi đồng chà chỉ có một cặp. Cá bóng tượng có vẩy nâu với những sọc đen; kỳ, đuôi, vây, mang đều có những gai mềm giương lên, trông cũng đẹp. Thân cá ngắn, đầu và bụng to tròn, đuôi xoe tròn ra. Cá bóng tượng làm món chưng tượng là tuyệt nhất. Khi còn ở Sài Gòn, má tôi có học được cách làm một số món ăn “đặc sản”, trong đó có món cá bóng chưng tượng. Cá làm xong, má tôi ướp tượng hột giã giập giập, thêm bún tàu (miến), nắm mè (mộc nhĩ), hành khô, hành lá cắt dài rồi đem chưng cách thủy. Cá bóng tượng thịt ngon, đặc biệt là lá gan nó rất to, ăn có mùi vị thơm lạ lùng. Cá bóng tượng hiếm hơn cá he vàng bởi vậy món cá bóng chưng tượng với lá gan to cũng hiếm và quý. Mỗi lần nhà tôi dỡ chà, ngoài phần cá chia cho những người đóng góp công, nếu bắt được cặp bóng tượng, thế nào má tôi cũng làm món chưng và sai tôi mang một con sang biếu tía má của Ba-sát-cá, người đã chỉ dẫn cho tôi chất chà. Ở Sài Gòn, vài lần tôi

theo má tôi đi nấu ăn đám cưới mới được nếm cá bóng tượng chưng tượng.

Còn về đây, cá bóng mình dỡ chà trên rạch trước nhà, nên vài ba tháng tôi lại được ăn món này. Còn tía má của thằng Ba-sát-cá vẫn khen: “Ờ, ở Sài Gòn người ta nấu ăn cũng khéo”.

Một cách bắt tôm cá khác gần giống như chất chà là kéo bò. Bò là một dụng cụ bắt tôm cá bằng tre đan, như cái thùng xe bò, có hai càng, trong bỏ những chà cây, có thể thụt xuống nước và kéo lên dễ dàng.

Thường người ta đào một cái ụ nhỏ cạnh bờ rạch, đặt bò vào, đẩy xuống nước, dăm ba ngày thì kéo bò lên một lần bắt tôm cá. Cái

bò gọn, một gia đình nhỏ làm được không mất công nhiều như chất chà, dỡ chà. Tất nhiên thu hoạch ít hơn.

09. Cầm chài mà vãi xuống sông

Một hình ảnh rất phổ biến, rất nên thơ, nên ảnh nên họa... ở quê tôi những năm tôi còn bé, đó là hình ảnh những chiếc xuồng chài, những người thợ chài. Tôi vẫn ghi mãi trong ký ức các bức ảnh chụp vãi chài trên sông, hay các bức tranh vãi chài, với miệng chài tung tròn đang rơi chụp trên mặt nước lấp lánh ánh bạc, ánh vàng của buổi bình minh hoặc của ngày sắp tắt.

Khi tản cư về quê, ba tôi đã mua một miệng chài, và hàng ngày, cha con tôi vẫn đi chài trên sông, ba tôi vãi chài, còn tôi thì bơi xuồng. Bơi xuồng chài không phải dễ đâu, các bạn ạ. Người vãi chài đứng ở đầu xuồng, bắt chài, xoay người, nhún chân, dùng sức tung chài ra cho tròn, cho đúng chỗ cần chụp xuồng. Người bơi xuồng không thạo sẽ làm cho ông thợ chài nhào luôn xuống nước ngay. Và chính người bơi xuồng chài là tôi đã cho anh thợ chài Ba-sát-cá nhào xuống sông mấy lần trước khi được lãnh “bằng cấp bơi xuồng chài chánh thức” và được ba tôi “tuyển dụng”.

Chài cũng có nhiều cỡ, nhiều loại. Đó là một tấm lưới đan hình tròn, đường kính rộng hay hẹp là tùy sức và tùy tài nghệ của thợ chài mà chọn, thường khoảng hai mét, hai mét rưỡi, miệng chài rộng hơn chiếc đôi khá nhiều. Xung quanh miệng chài, theo đường chu vi hình tròn đó, người ta buộc chì. Chì gồm những khoen tròn, nhỏ, móc nối với nhau,

làm thành một sợi dây to bằng ngón tay út, thường làm bằng dây luộc (dây xơ vỏ trái dừa khô xe lại), gọi là dây vung. Dây này sẽ buộc vào cổ tay người thợ chài, để khi vãi, chài vẫn luôn luôn ở trong tay người thợ.

Tùy theo mục đích bắt cá lớn hay nhỏ mà người ta chọn chài có mắt lưới to hay mắt lưới bé. Có loại mắt lưới chỉ đứt vừa ngón tay út, có loại đứt lọt ngón tay cái. Thường thì phần trên chài, gần dây vung là đoạn lưới nhỏ, xuống nữa mắt lưới to hơn. Lúc tôi còn bé các miệng chài đan bằng sợi gai hoặc bằng tơ tằm. Chài mới mua về phải đem sắn, tức là ngâm vào nước vỏ cây sắn, có nhiều chất tanh để cho sợi nhợ sắn chắc lại, chịu được nước lâu không mục.

Ở quê tôi, nhiều nhà cũng trồng cây sắn. Cây cao khoảng mười, mười lăm mét, lá cứng, dày, bong. Trái sắn chín màu đen nâu ăn ngọt lắm, trẻ

con chúng tôi rất thích, có điều ăn xong rồi thì không giấu được ai vì mồm miệng cứ đen nâu cả lên và ăn nhiều quá thì coi chừng, đi ngoài không ra đấy, bạn ạ! Đặc biệt vỏ cây sắn bóc ra, đập giập, ngâm nước một thời gian thì thành loại thuốc nhuộm rất tốt, tốt hơn vỏ cây đước, cây dứa. Người quê tôi dùng thứ này để sắn chài, miệng chài nào sợi cũng sắn quánh và đen bóng lên, tha hồ chắc, tha hồ ngâm nước. Cứ dùng chài một thời gian lại đem sắn một lần. Chài ngâm vào nước vỏ sắn một đêm, sáng ra dùng dây, vung treo lên cành cây, lấy sào căng miệng chài ra phơi nguyên một nắng là đen nhánh. Phơi chài, treo sắn lấy trái là

một thú vui của tuổi nhỏ chúng tôi. Các bạn gái cũng có thể tham gia công việc này được lắm.

Ba-sát-cá oai hơn chúng tôi, vì nó biết vá chài, lại có hẳn một cái chài riêng nữa cơ! Vâng, đúng như vậy. Nhà Ba-sát-cá có một miệng chài dùng nhiều năm đã cũ, rách. Khi tía nó mua chài mới, nó liền xin cái cũ, cắt bớt phần phía dưới cho ngắn lại, vì chài thường hay rách phía dưới. Xong rồi nó lấy đục, chặt bớt một số chì cho vừa miệng chài, cũng là để bớt nặng, vừa sức của nó. Nó lên lại đai, vá một vài lỗ

rách và cũng đem sắn hai nước cẩn thận. Dĩ nhiên là tôi làm thợ phụ

cho nó trong các thứ việc này, vì vậy mà tôi biết vá chài, tuy chậm và các mắt không được đều lắm. Hôm hoàn thành miệng chài, thằng Ba bắt chài, vãi thử một cái trên sân, tròn quay đẹp thiệt. Tôi tranh với nó.

Nhưng học được gì thì học, tôi vãi cũng không ra, không tròn.

Ba-sát-cá nói:

- Thôi, mày đừng học vãi chài kiểu, học vãi chài ba mớ dễ hơn.

Ở quê tôi, có hai cách quăng chài như nó vừa nói. Chài ba mớ tung dễ

nhưng tôi tung mái cũng không tròn. Nó sốt ruột bảo:

- Thôi bây giờ mày xuống bơi xuống. Ta ra song thử chài là hay hơn hết thầy.

Tôi còn tiếc nhưng thôi, đi chài thật vẫn cứ thú. Hai đứa chúng tôi

xuống bến, cõi dây buộc xuống. Tôi ngồi phía sau, rút mái giằm, gò lưng cuốc mấy cuốc xuống nước. Chiếc xuống rẽ sóng lướt ra giữa sông.

Ba-sát-cá đứng trên sạp trước mũi xuống. Nó giơ tay chỉ chỗ có thể

chài cho tôi bơi đến. Tôi nhìn nó. Vẫn cái quần đùi và cái áo thun ba lỗ màu nước dừa, cái mũi hếch ngược lên như đánh hơi cá, cặp mắt ranh mãnh đảo trên mặt song như anh chỉ huy quan sát trận địa. Tay nó cầm miệng chài, thỉnh thoảng nhấc lên bỏ xuống trên sạp xuống làm cho giằm chì kêu lộc xộc. Tôi ngồi bơi phía sau mà sốt ruột. Nói vậy chứ bơi xuống không phải dễ đâu bạn nhé, nhất là đối với một cậu bé thành thị

như tôi. Một mái giằm mà điều khiển chiếc xuống theo ý muốn. Lúc mới học bơi xuống, tôi bực mình muốn phát khóc vì mình quyết tính bơi thẳng tới mà chiếc xuống nó cứ quay đi quay lại, thậm chí quay vòng tròn nửa thế mới kỳ! Mấy cô bé làng quê bơi xuống qua lại cứ ngó mình tùm tùm cười, ngượng chết đi được! Có cô còn bơi rấn xuống tới la lớn:

“Ê! Đụng! Đụng!” làm mình quỳnh cả lên. Mà các bạn quen bơi xuống thể

thao cũng không nên coi thường loại xuống quê tôi. Nó chỉ được điều khiển bằng mỗi một mái giằm cầm tay, và bơi cũng chỉ một bên mà thôi, chứ không quạt bên phải một cái, bên trái một phát đều đều đâu. Vậy mà các cô gái nhỏ quê tôi bơi xuống đi chợ, đi học, có khi đi xa năm mười cây số nhẹ tênh, ngon ơ. Bơi thuyền đã khó vậy, bơi xuống chài còn khó hơn. Trước hết là phải hiểu ý thợ chài. Anh thợ chài đưa mắt một cái (hay là hếch mũi như anh bạn Ba-sát-cá của tôi) thì anh thợ bơi phải biết anh kia muốn “chụp” xuống chỗ nào.

Chài trên rạch thì có những đồng chà, những cây cầu chìm và nổi, phải đưa xuồng đến vị trí mà anh

thợ chài vừa sức tun glười, không vướng vào các thứ cầu kỳ, chà chơm...

Có khi một chú cá to vừa lên đớp mồi hay ăn móng, thợ chài liếc mắt một cái, thợ bơi phải đưa xuồng ào đến nơi và lập tức ghìm xuồng đứng yên ngay. Đó là kỹ thuật bơi xuồng chài khá cao. Cái hôm đầu đi thử

chài đó, ngay phát đầu tiên, tôi không biết ghìm xuồng nên thằng Ba vừa tung chài lên thì xuồng lắc, chài rơi xòà một cái và người thì tồm một phát xuống nước. Tôi vừa ngỡ ngàng vừa lo. Thằng Ba trồi lên mặt nước, lấy tay vuốt mặt rồi đu mũi xuồng nhảy lên. Nó trách tôi:

- Mày dở quá. Khi nào tao quăng chài, mày ghìm chắc xuồng lại.

Tôi chống chế:

- Nhưng mà cái xuồng nó nổi lênh bênh giữa sông, có chỗ nào níu đầu mà ghìm?

- Cứ thò giằm xuống nước rồi thì...

Thằng Ba cũng không biết giảng giải thế nào, đành nói:

- Rồi thì... mày sẽ biết ngay thôi mà.

Thằng Ba vừa nói vừa lôi chài ở dưới nước lên (sợi dây vung từ trước vẫn đeo chặt ở cổ tay trái nó). Chúng tôi bắt đầu làm lại. Ba-sát-cá đứng trước mũi xuồng gấp sợi dây vung, rồi gấp thật thứ tự cái chóp

chài lại thành một xấp nắm ở bàn tay trái. Xong nó cầm chì ở miệng chài thả nhẹ một cái lên, cặp chặt vào nách trái. Thế là miệng chài đã mở ra. Nó dùng bàn tay phải và đầu gối rẽ miệng lưới cho đều từng đoạn, rồi chia cái chài ra làm bốn, nắm phần đều nhau, móc vào mấy ngón tay phải. Nó gọi động tác này là bắt mớ. Xong rồi nó chập hai bàn tay vào nhau, lật ngược cả miệng chài lên. Nó uốn người ra phía sau lấy đà rồi nhanh nhẹn xoay người ra trước mũi xuồng, đồng thời tung lưới. Sức nặng của động tác vãi chài dồn xuống hai chân nó, làm cho mũi thuyền giập xuống nước rào rào; cùng lúc, giàn chì được vung tròn ra, kéo theo miệng chài

mở tròn trịa úp chụp xuống nước. Khá lắm. Anh thợ chài vãi đẹp lắm, còn anh thợ bơi xuống lần này cũng hiểu ra cái lúc quyết định nhất cần giữ thuyền thật thăng bằng. Vậy là chúng tôi phối hợp đã “ăn gio” rồi.

Khi chì đã chìm xuống đáy sông, Ba-sát-cá bảo tôi:

- Rà xuống lại.

Nó nắm dây vung (còn gọi là dây giọi) kéo chài lên. Sức ỉ của cái chài lôi chiếc xuống tới. Tôi phải rà mạnh mái giằm để giữ cho xuống đứng yên tại chỗ. Hai bên phải khéo kết hợp, sao cho giàn lưới chài thu chụm lại đều đặn dưới đáy sông, cá tôm bị gom hết trong những đai chài, lúc đó, thợ chài mới từ từ kéo chài lên. Khi dàn chì vừa tới mặt nước, Ba-sát-cá rê tới rê lui một chút để rửa bùn rồi nhanh nhẹn xách

cả miệng chài, vật lên sạp xuống đánh xạch một cái.

A ha! Mới phát đầu đã ngon lành rồi! Cá trắng có, cá đen có, cá tôm càng nữa! Thằng này giỏi quá ta! Ba-sát-cá nheo mắt, chun mũi nhìn tôi cười. Đó là cái tật của nó mỗi khi vui thích. Nó gỡ từng con tôm cá ném bộp bộp xuống khoang xuống, và cũng nhặt chà, rác vớt xuống sông.

Xong xuôi, nó lại đứng lên, bắt chài sửa soạn quăng tiếp. Đó là cách quăng chài kiểu, gọn, đẹp, nhưng phải có nghề mới làm tốt được. Thằng Ba chẳng học ai. Nó có tài bắt cá bằm sinh, cứ nhìn người khác làm một lần là bắt chước được ngay.

Lần này Ba-sát-cá bảo tôi đưa xuống vào một chỗ mà nó cho là có nhiều cá. Tung chài xong, đến lúc rà xuống kéo chài lên, bỗng nó kêu:

- Chết cha! Mắc gốc rồi!

Trời đất! Dưới đáy rạch, có nhiều gốc cây lâu đời, hoặc là những nhánh chà to, từ các đồng chà lặn ra, người đi chài quen sẽ thuộc. Sau này, bơi xuống cho ba tôi chài, tôi thấy ông già thuộc lòng lạch ghê lắm.

Còn bây giờ, chúng tôi mới “hành nghề” nên chưa quen. Tôi lo lắng:

- Chết cha! Bây giờ làm sao?

Ba-sát-cá tháo sợi vung ra khỏi cổ tay, buộc vào một cái lỗ trên sạp

xuồng, rồi cởi quần áo ra, phóng nhẹ xuống sông. Nó hít một hơi dài và hụp vào trong nước. Tôi hồi hộp theo dõi. Lúc lâu, tôi giật mình, ngó thấy một bàn tay từ mặt nước thò lên, rồi cái đầu thẳng Ba. Tôi hỏi giật:

- Sao?

Nó chẳng đáp, vượt nước mặt, hít không khí rồi lại hụp xuống. Lần này lâu hơn... Tôi thấy lo lắng. Rồi một bàn tay lại từ mặt nước thò lên (sau này tôi mới hiểu, khi nổi lên, người lặn cần đưa tay thăm dò để

khởi động đầu vào xuồng ghe trên mặt nước). Ba-sát-cá bơi đến mạn xuồng, chống tay đu lên. Tôi lại hỏi:

- Sao?

Nó vừa mặc quần áo, vừa đáp:

- Không sao. Xong rồi.

Đôi mắt ranh mãnh của nó, bây giờ hơi đỏ, nheo lại nhìn tôi, cái mũi nó hếch ngược lên như cái sừng con tê. Cha, con tê này vừa rẽ nước dưới sông ngoi lên đây! Nó nói:

- May quá! Cái gốc cây bự tổ chẳng! Nhưng may chỉ vướng một góc chài.

Lúc nãy, tao mà úp hết lên thì coi như rồi đời cái chài mới.

- Chết cha! Làm sao?

- Gỡ hết ra rồi!

Tôi hú vĩa. Nếu không thì chúng tôi, như thành ngữ Việt Nam ta vẫn nói, “mất cả chì lẫn chài”. Ba-sát-cá vừa kéo chài lên, vừa dặn tôi:

- Mà nhớ nghe! Ở đây có cái gốc cây!

Chẳng riêng gì người mới “vào nghề” như chúng tôi, người lớn đi chài bị mắc chà, mắc gốc là sự thường, ba tôi nhiều lần cũng phải lặn đến ba, bốn hơi để gỡ chài mắc gốc. Tôi thương ông già lắm,

nhiều lần đòi lặn, mà ba tôi nhất định không cho. Lặn gốc cũng có phần nguy hiểm chứ

không đơn giản chút nào.

Buổi “xuất trận” đầu tiên của hai tay thợ chài tí hon đó thắng lợi lớn: chúng tôi được khoảng 3 kí tôm cá, đặc biệt có mấy con tôm càng xanh to bằng cổ tay chúng tôi. Ba-sát-cá nói:

- Về, mình nường tôm ăn liền cho ấm. Tao một con, mày một con!

Trước đây, mỗi khi dỡ chà, tôi hay xin má tôi bẻ mấy càng tôm đem

nướng. Càng tôm to như ngón tay, đầy thịt, nướng ăn thơm lắm. Chưa bao giờ tôi được ăn hẳn một con tôm càng nướng, Ba-sát-cá chơi sang thiệt!

Tôm càng cũng là giống có nhiều trong sông rạch quê tôi. Mà có tới hai loại cơ: tôm càng xanh và tôm càng lửa. Tôm càng lửa giống hệt tôm càng xanh, có điều vỏ của nó ửng màu hồng hồng của gạch. Tôm càng xanh thì vỏ thẫm màu xanh nước biển. Ở miền Bắc lâu ngày, nhưng tôi chưa nhìn thấy tôm càng xanh hay tôm càng lửa. Vì vậy, tôi tin các bạn nhỏ

miền Bắc sẽ rất thích khi nhìn thấy tôm càng quê tôi. Con tôm to lắm, có con đầu to hơn cổ tay người lớn, mình nó hơi tròn, dài khoảng gang tay, đặc biệt con nào cũng có hai cái càng, to cỡ ngón tay, và con tôm đực thì có càng rất dài, có khi hơn cả thân mình của nó. Vậy mới gọi là tôm càng. Ở quê tôi phân biệt hai từ tôm và tép như thế này: tôm có thân tròn, tép có thân dẹt. Vì vậy, có những con bé xiu nhưng thân tròn cũng gọi là tôm, như tôm đất; có những con to nhưng thân dẹt cũng gọi là tép, như tép bạc (cùng loại với tôm thẻ). Ở miền Bắc, có địa phương, tất cả các thứ cá bé xiu đều gọi là tép.

Tôm càng ngon thịt, luộc chấm muối tiêu chanh ăn rất ngọt, còn nướng thì ăn lại thơm. Đặc biệt ở quê tôi có món tôm kho tàu. Con tôm bóc hết vỏ, chừa một tí đuôi cho đẹp, kho lên cong tròn và gạch tôm thì sánh lại làm cho đĩa tôm rực rỡ một màu son. Tôm càng xanh ngon như

vậy nên ngày càng ăn khách trên thị trường thế giới. Vì nhiều lý do, tôm càng trong thiên nhiên ngày càng ít, nhiều nước đã nuôi tôm càng

theo lối công nghiệp và dày công nghiên cứu con tôm này. Ở nước ta cũng đang có nhiều nơi nghiên cứu nuôi tôm càng xanh xuất khẩu. Còn ở

quê tôi, người ta bắt tôm càng trong thiên nhiên bằng lối chất chà, vãi chài hay đi câu.

Thường người ta câu tôm ngoài sông cái, ở đó, tôm nhiều và to hơn trong rạch. Sau này, khi chài đã thạo, một đêm, Ba-sát-cá rủ tôi ra sông cái đi chài cá he vàng. Đêm đó, trời đầy trăng. Xuồng vừa trở ra vàm, gió đã thổi lồng lộng. Sông rộng mênh mông. Sóng lười búa vỗ lách chách mạn xuồng. Chúng tôi đưa xuồng đến gần một đồng chà to chất trên sông cái. Ba-sát-cá nhẹ nhẹ bỏ xuồng nước một hòn đá buộc sợi dây nhợ, bên trên là một cái phao lập lờ chất một ôm lúa vừa chín tới mới cắt ban chiều. Nó dụ cho cá he trong chà ra ăn lúa. Trong khi chờ đợi, chúng tôi bơi xuồng đi dạo một vòng trên sông. Dọc bãi sông có một rừng bầu, ban ngày soi bóng mát xanh um và rắc nhị hoa màu cánh sen đầy mặt nước. Ban đêm, đó là vương quốc diệu kỳ của loài đom đóm, hàng ngàn con thấp đèn nô giỡn trên khắp các cành bầu. Nhiều đêm, bọn trẻ

con chúng tôi hay cho xuồng ra sông cái giỡn sóng hoặc hay bắt đom đóm. Có những con đom đóm sáng xanh thật to, lóe lên giữa muện ngàn đóm lửa màu vàng, rồi bay là là ra sông. Ban đêm, tùy theo mùa các và tùy theo con nước, những người thợ chài vẫn ra đây quăng chài hay bủa lưới. Người câu tôm thì một người, một xuồng âm thầm lui tới dọc bờ

sông. Thường người ta câu mồi cùi dừa khô cắt miếng nhỏ, bủa theo lối câu giăng. Người đi câu lần theo sợi nhợ, soi đèn, tôm càng bám theo

mồi lên mặt nước liền bị cái vợt hót gọn. Có những đêm trăng sáng, ghe thuyền đi lại khá đông, những ghe thương hồ đi buôn, ghe chài chở lúa, xuồng câu, xuồng chài, cả những xuồng quà bánh đèn con cứ nhấp nháy hắt xuống vàm sông. Lại có những người đi

chơi, ngồi ghe mui ống, mua ít tôm ít cá, thái ra, “tả pí lù”, nhắm rượu và đờn ca trên mặt nước.

Có hiểu được người được cảnh đó mới hiểu vì sao người dân quê tôi yêu mến sâu sắc những câu thơ trong Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu:

“ Ngự ông: Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn.
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sồn long đây.
Rày doi, mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hứng gió, đêm này chơi trăng.
Một mình thông thả làm ăn,
Khỏe quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm.

Nghêu ngao nay chích, mai dầm,
Một bầu trời đất vui thắm ai hay.
Kính luân đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế vui say trong trời.
Thuyền nan một chiếc ở đời,
Tắm mưa chải gió trong trời Hàn giang”

* * *

Sông Mê-công, một trong những con sông lớn của Châu Á đã chảy qua quê tôi trước khi tuôn trào ra biển. Trong dòng nước bạc ngàn đời chở nặng phù sa đó có bao nhiêu loài tôm cá đi qua, lưu lại, sinh sôi nảy nở.

Cũng đã bao đời vườn tược xanh um cây trái, bốn mùa soi bóng xuống dòng sông. Một vùng quê với gạo trắng, nước trong, với cá to tôm lớn, với trái ngọt cây lành. Con người hiểu con tôm con cá và hiểu được quê hương. Từ con tôm, con cá, từ sinh hoạt bình thường ngày nay qua tháng khác mà hiểu thêm tâm tình và tính cách con người của một vùng quê mệnh mông sông nước...

Tháng 11- 1993

Hết.